

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco).
- Địa chỉ trụ sở chính: số 48, Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3 843 316 Fax: (0251)3 847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người công bố thông tin: **Trần Văn Nguyên**
- Chức danh: Người đại diện theo pháp luật - Giám đốc Công ty.
- Loại thông tin công bố:
☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (đính kèm Báo cáo).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày ...04/3/2026 tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VPĐQT



Trần Văn Nguyên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



2025

NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG - VƯƠN TỚI BỀN VỮNG

Nước sạch cho Cuộc sống xanh



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG



- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

CHƯƠNG 6

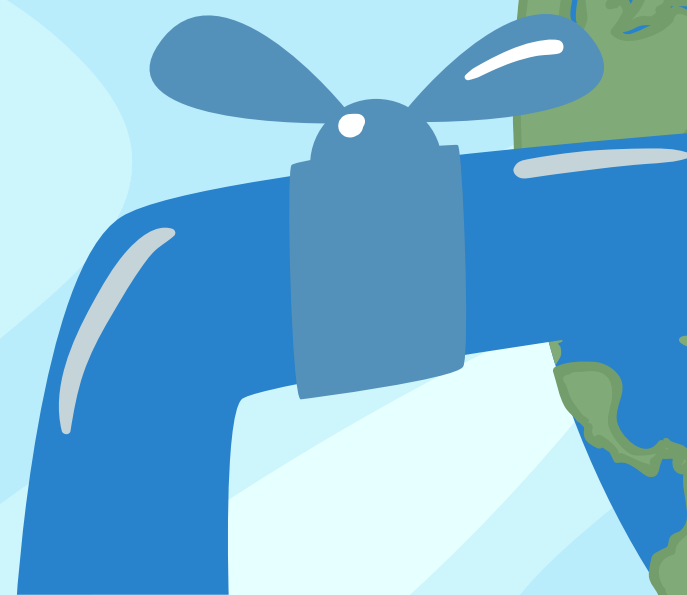
BÁO CÁO TÀI CHÍNH



- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

01 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên tiếng anh: DONG NAI WATER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: Dowaco
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/10/2025



Vốn điều lệ

1.200.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 1.200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 48, đường Cách mạng tháng Tám, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Số điện thoại: 0251 3843316
- Số Fax: 0251 3847149
- Website: dowaco.vn
- Email: capnuocdongnai@dowaco.vn
- Mã cổ phiếu: DNW
- Sàn giao dịch: UPCoM

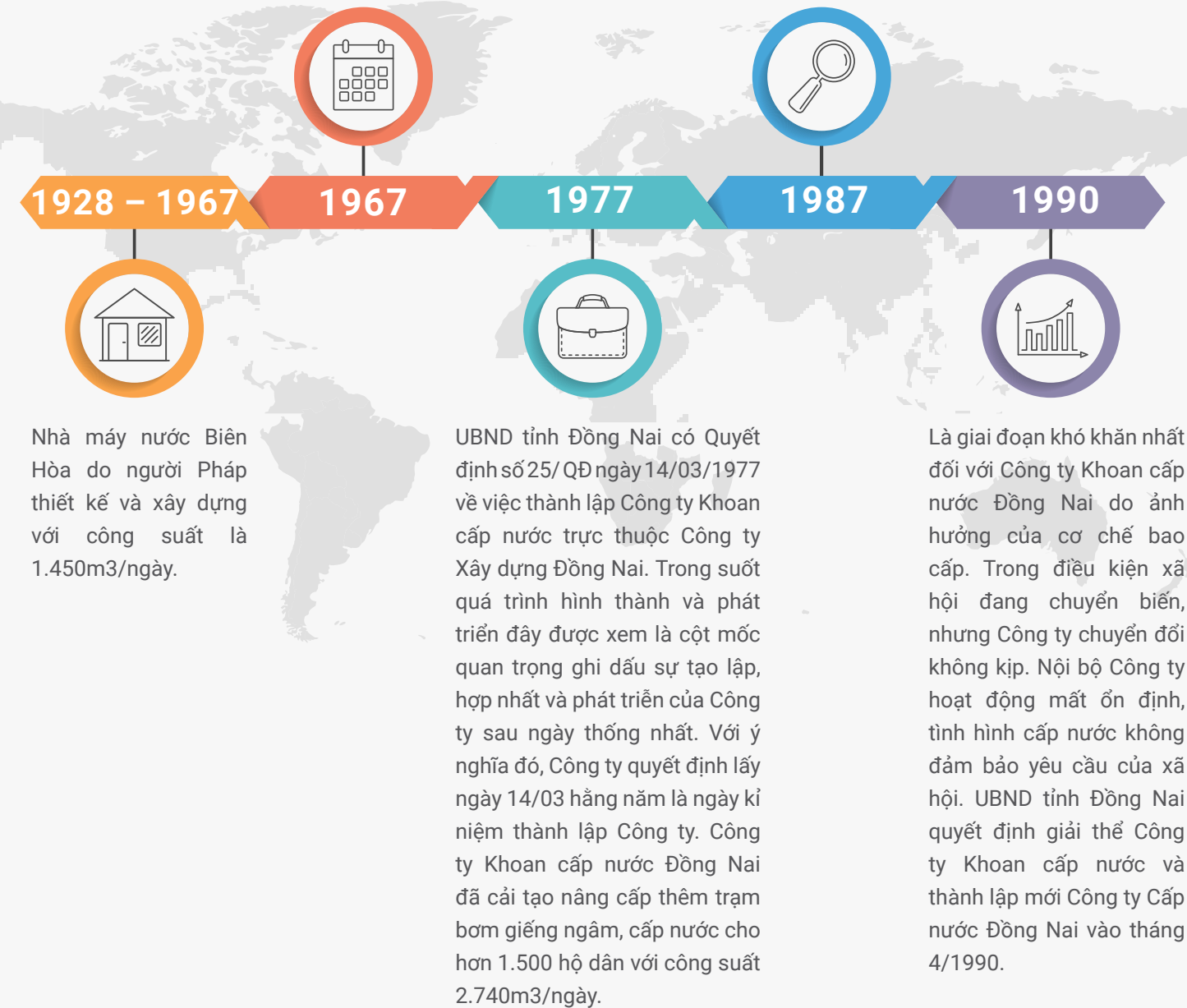


DOWACO
MEMBER OF JONAFACET

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000m³/ngày. Tổng công suất là 16.500m³/ngày.

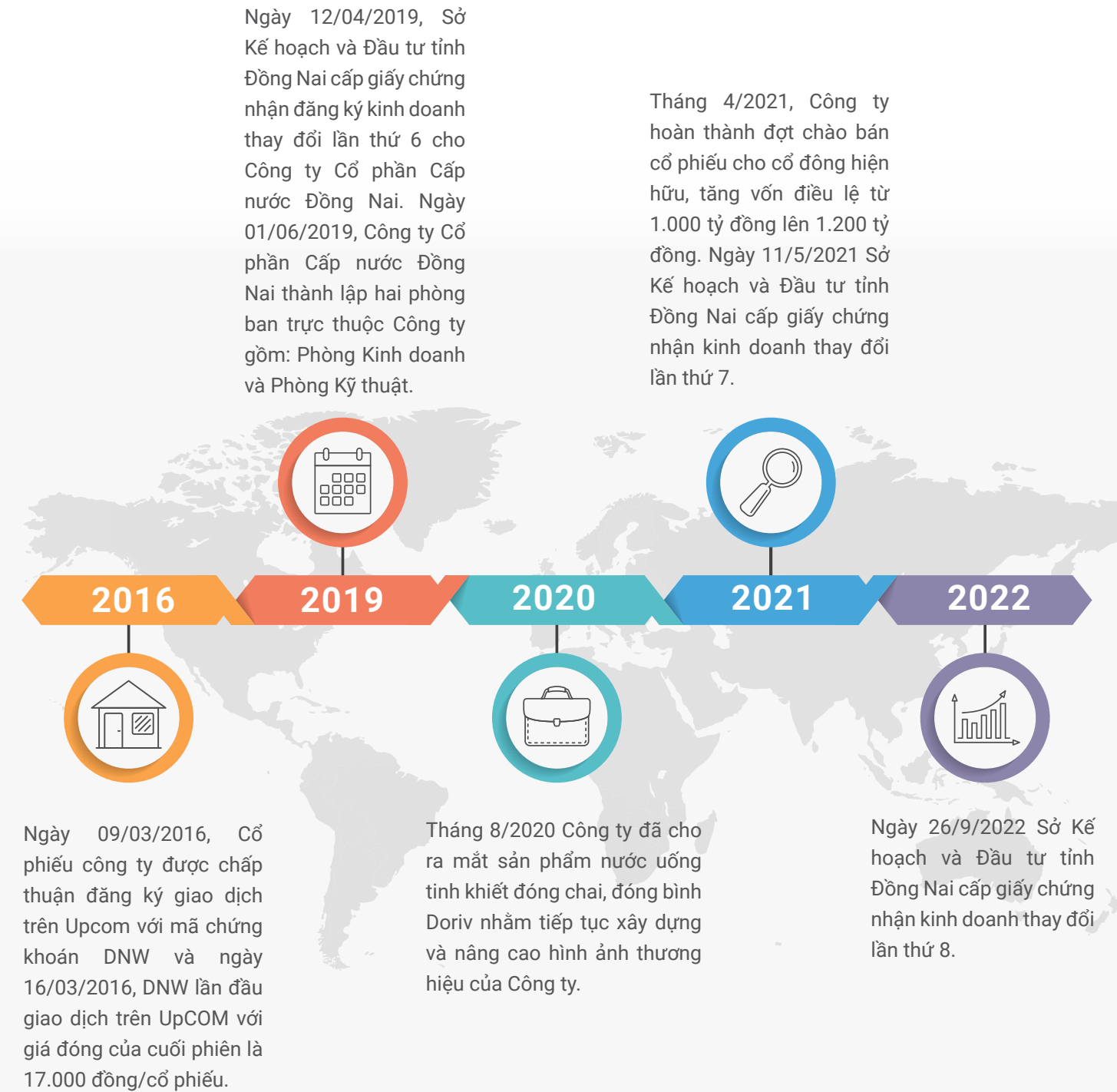
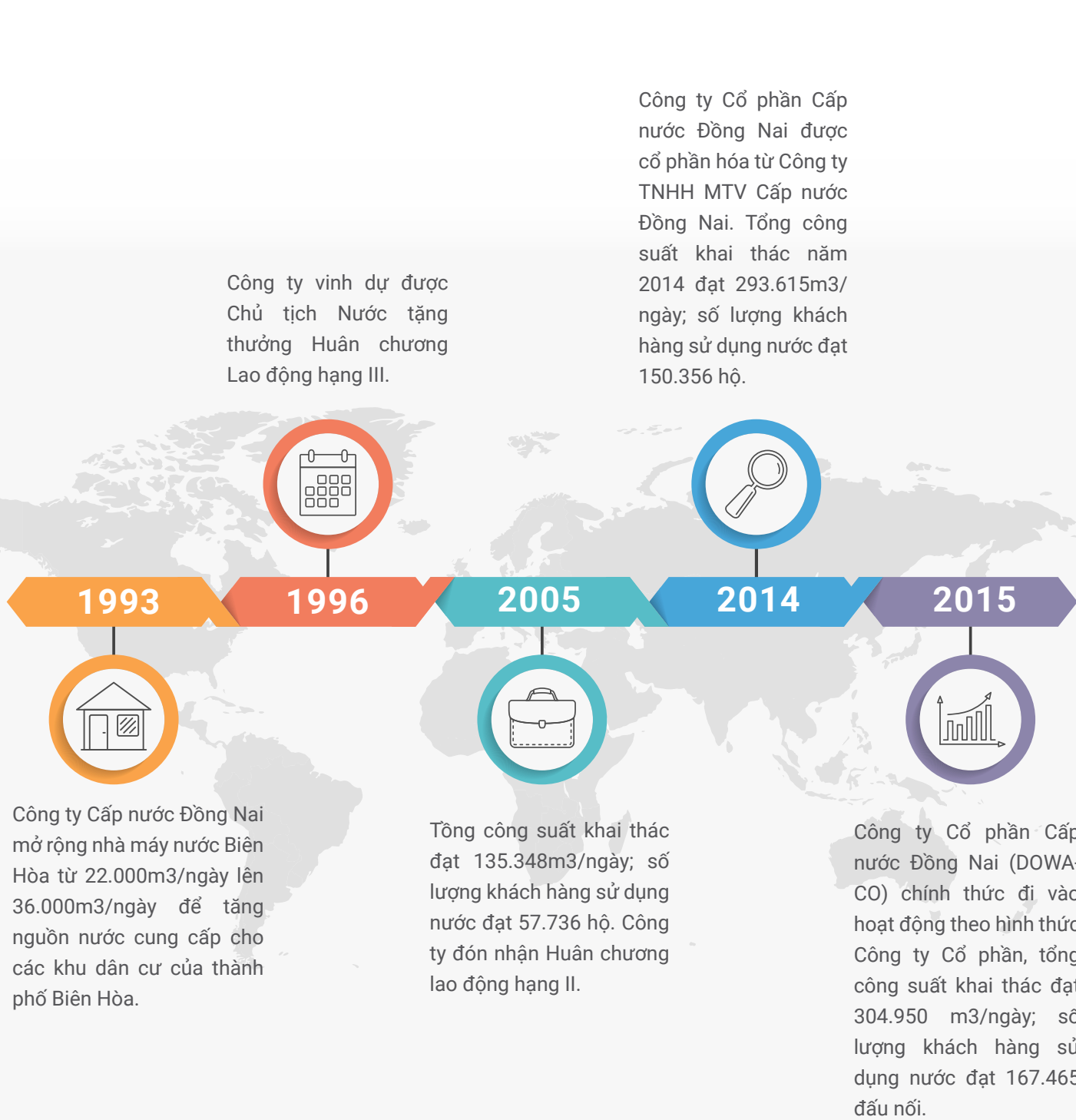
Thành lập Xí nghiệp Khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m³/ngày.





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

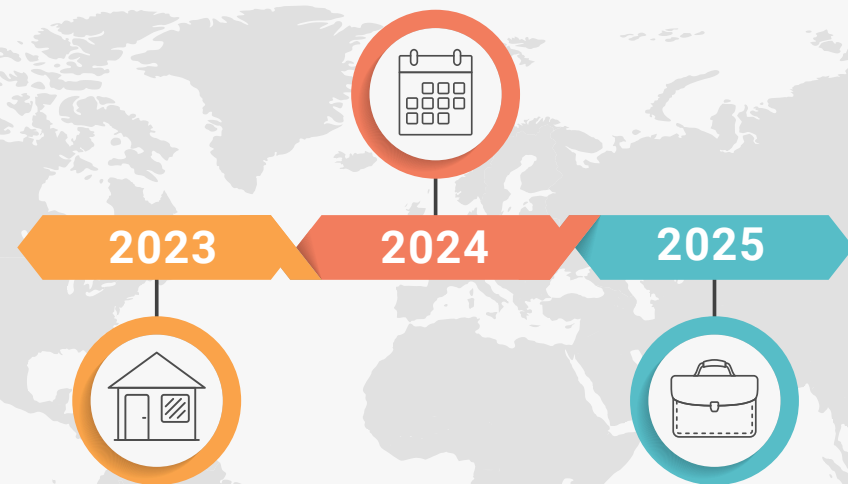




THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty đã triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ để giao hạch toán phụ thuộc cho 04 chi nhánh: Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc, Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An, Chi nhánh Cấp nước Long Thành và chi nhánh Cấp nước Long Bình kể từ ngày 01/7/2024. Ngày 13/11/2024 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 9.



Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành, tinh giảm bộ máy. Công ty đã tiến hành công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức 1 số đơn vị, phòng ban như sau: Từ ngày 1/9/2023: sát nhập CNCN Tân Định vào CNCN Xuân Lộc. Từ ngày 1/11/2023: Đổi tên Phòng Tổ chức Hành chính thành Phòng Nhân sự, đổi tên Ban chuyên viên thành phòng Quản trị tổng hợp.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện một số quyết định quan trọng liên quan đến công tác tổ chức và sắp xếp lại bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị, đồng thời triển khai việc sáp nhập Chi nhánh Nhơn Trạch vào Chi nhánh Thiện Tân và Chi nhánh Vĩnh An vào Chi nhánh Long Bình. Song với đó, Công ty thực hiện chấm dứt hoạt động của các chi nhánh Nhơn Trạch và Vĩnh An theo phương án sáp nhập đã được phê duyệt, góp phần tinh gọn bộ máy, tối ưu nguồn lực và phù hợp với định hướng phát triển của Nhà nước và doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân chương lao động hạng II: Tặng cho CBCNV Công ty TNHH một thành viên xây dựng cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc.

Huân chương lao động hạng III: Tặng cho CB-CNV Công ty Xây dựng cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1992-1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

Giải thưởng từ HANOI STOCK EXCHANGE: DNW đạt top 10 doanh nghiệp Upcom có chất lượng công bố thông tin và minh bạch tốt nhất năm 2019 - 2020.

Năm	Số quyết định	Hình thức	Giải thưởng / Thành tích	Cơ quan cấp
2015	QĐ số 1336/QĐ-UB-ND ngày 09/5/2016	Bằng Khen	Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ 2014 - 2015	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 1336/QĐ-UB-ND ngày 09/5/2016	Cờ thi đua	Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2015	UBND tỉnh Đồng Nai
2016	QĐ số 3238/QĐ-UB-ND ngày 06/10/2016	Bằng Khen	Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD từ năm 2013 - 2015 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 3238/QĐ-UB-ND ngày 06/10/2016	Khánh vàng	Đạt danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ VI – 2016	UBND tỉnh Đồng Nai
2017	QĐ số 2470/QĐ-UB-ND ngày 18/7/2017	Bằng Khen	Đã có đóng góp trong phong trào ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, giai đoạn 2012 – 2017	UBND tỉnh Đồng Nai



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Năm	Số quyết định	Hình thức	Giải thưởng / Thành tích	Cơ quan cấp
		Bảng ghi nhận và cảm ơn	Đã có đóng góp trong công tác dân vận và phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc năm 2018	Công an TP. Biên Hòa
	QĐ số 2500/QĐ-UBND ngày 23/7/2018	Bảng khen	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Vì nạn nhân chất độc da cam giai đoạn 2013 - 2018”	UBND tỉnh Đồng Nai
		Bảng vàng tri ân	Đã có thành tích ủng hộ Quỹ Tri ân Liệt sĩ trong 5 năm (2013 - 2018)	Hội hỗ trợ Gia đình Liệt sỹ Đồng Nai
2018	QĐ số 4225/QĐ-UBND ngày 27/11/2018	Bảng khen	Đã có thành tích tiêu biểu tham gia cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và phong trào xây dựng “Nhà Đại đoàn kết” xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 – 2018	UBND tỉnh Đồng Nai
		Bảng tri ân	Tri ân Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tham gia cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và phong trào xây dựng “Nhà Đại đoàn kết” xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 – 2018	UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Năm	Số quyết định	Hình thức	Giải thưởng / Thành tích	Cơ quan cấp
2019	QĐ số 1177/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	Bằng khen	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2018	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 38/QĐTHXD-VN ngày 27/6/2019	Bằng khen	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội nhiệm kỳ IV (2014-2019)	BCH Trung ương Tổng hội Xây dựng Việt Nam
	QĐ số 126/QĐ-TĐKTTWH ngày 16/9/2019	Bằng Tri ân	Tri ân tấm lòng vì nạn nhân chất độc da cam: Chương trình "hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân chất độc da cam Việt Nam" lần thứ 1	Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin Việt Nam
2020	QĐ số 1242/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	Bằng khen	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2019	UBND tỉnh Đồng Nai
2021	QĐ số 03/QĐ-BCĐ.VPTT ngày 16/4/2021	Giấy khen	Đạt thành tích xuất sắc trong cuộc vận động Hiến máu tình nguyện	Ban chỉ đạo Hiến máu tình nguyện tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 5171/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	Bằng khen	Đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai
2023	QĐ số 1542/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	Cờ thi đua xuất sắc	Khen tặng Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc	UBND tỉnh Đồng Nai



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



- **Khai thác, xử lý và cung cấp nước:** Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- **Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại:** Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- **Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:** Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- **Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng:** Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- **Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:** Xây dựng công trình công nghiệp.
- **Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:**
 - Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
 - Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
 - Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng - công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán.
 - Thẩm định kết quả đấu thầu.
- **Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp. Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà. Cho thuê văn phòng. Kinh doanh bất động sản.**
 - Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
 - Xây dựng công trình công nghiệp.
 - Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
 - Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
 - Xây dựng công trình dân dụng.
 - Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100 mm (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
 - Điều hành tour du lịch (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
 - Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

ĐỊA BÀN KINH DOANH



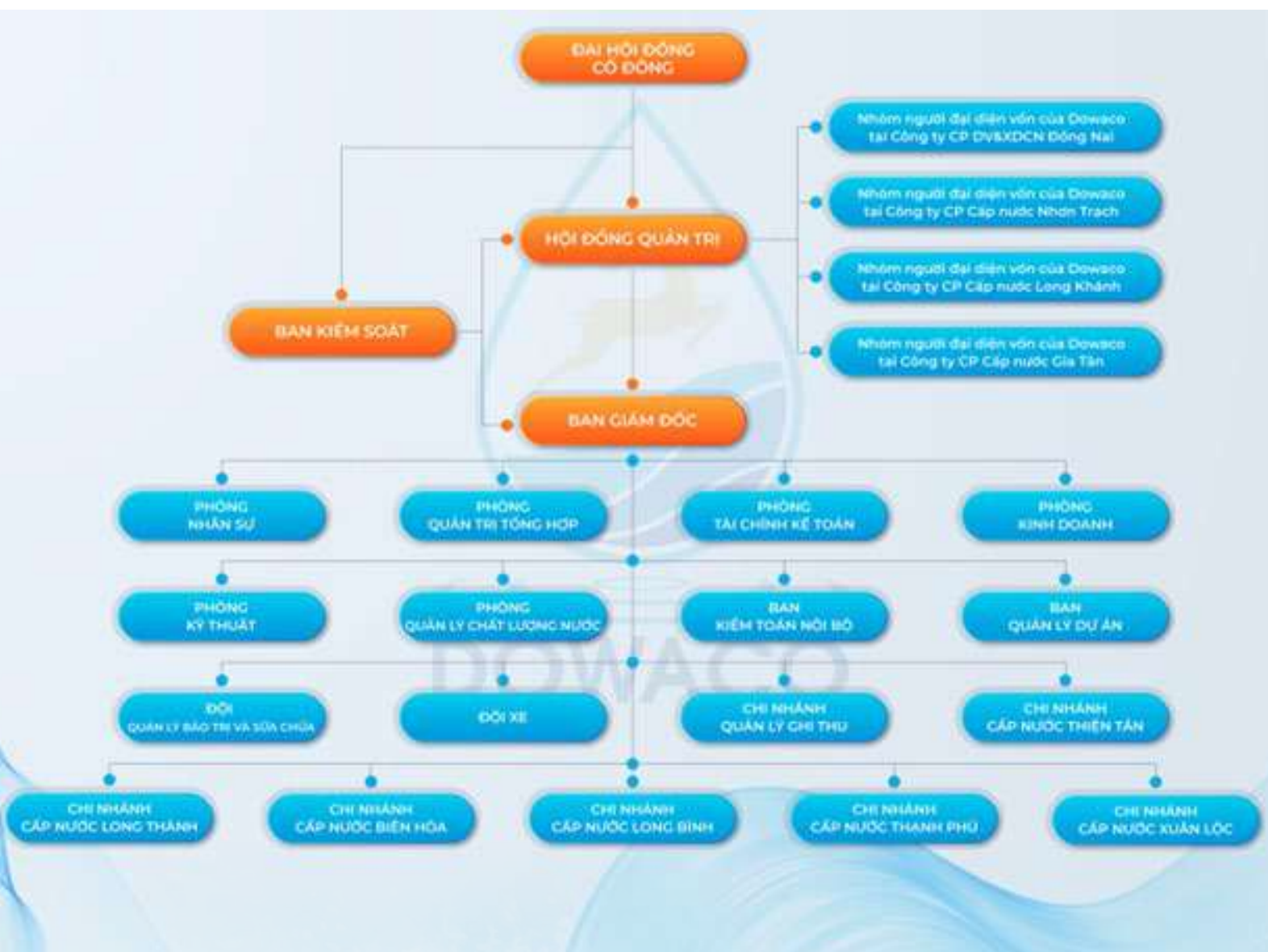
Hiện nay, các nhà máy sản xuất nước mặt đang khai thác và cung cấp nước cho các khu vực như sau:

- **Khu vực thành phố Biên Hòa** (29 phường và 1 xã Long Hưng).
- **Khu vực Long Thành:** Thị trấn Long Thành (Văn Hải, Phước Hải, Phước Thuận, Phước Long, Cầu Xéo, Kim Sơn), xã Long Đức, An Phước, Lộc An, Long An, Tam An, Bình Sơn.
- **Khu vực huyện Xuân Lộc:** Thị trấn Gia Ray, xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường, Xuân Thành. Khu vực huyện Định Quán: Thị trấn Định Quán, xã Phú Vinh, Phú Lợi, Gia Canh, Phú Ngọc, Ngọc Định. Khu vực Tân Phú: Thị trấn Tân Phú, 1 phần xã Trà Cổ.
- **Khu vực huyện Vĩnh Cửu:** Thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, xã Thạnh Phú, xã Thiện Tân, xã Tân An, Bình Hòa, Bình Lợi, Tân Bình. Khu vực huyện Trảng Bom: Thị trấn Trảng Bom, xã Hố Nai 3, xã Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Giang Điền, Bàu Hàm, Sông Trầu.
- **Khu vực huyện Nhơn Trạch:** Khu trung tâm huyện Nhơn Trạch, các KCN Nhơn Trạch, Thị trấn Hiệp Phước, các xã: Long Thọ, Phước An, Phước Thiện, Phú Hội, Vinh (qua đồng hồ tổng của Công ty mẹ và Công ty Cấp nước Hồ Cầu Mới), Vĩnh Thanh, Phú Đông, Phú Hữu, Đại Phước, Phú Thạnh, Long Tân.
- **Khu vực TP.Long Khánh:** TP. Long Khánh (gồm 11 phường: Bảo Vinh, Bàu Sen, Phú Bình, Suối Tre, Xuân An, Xuân Bình, Xuân Hòa, Xuân Lập, Xuân Tân, Xuân Thanh, 02 xã: Bảo Quang, Bàu Trâm); KCN Long Khánh, KCN Suối Tre.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định trong điều a khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.
- Công ty gồm có 10 Phòng, ban, đội và 7 chi nhánh trực thuộc, 02 công ty con và 01 công ty liên kết và 01 Công ty có vốn góp đầu tư.
- Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.
- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.
- Ban kiểm soát: là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.
- Ban Giám đốc: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định công tác quản lý, điều hành, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai phạm trước pháp luật nhưng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm chính.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW)	Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.	100.000.000.000 đồng.	52,44%
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (LKW)	Số 02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp.	25.000.000.000 đồng.	51,00%
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (DVW)	Số 52 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, bơm nước.	23.450.000.000 đồng.	36,00%
Công ty có vốn góp Đầu tư					
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mơ 3, xã Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước	584.375.000.000	8,5%



Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch



Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh



Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai





CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Lĩnh vực hoạt động và Trách nhiệm xã hội: Lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Công ty là cung ứng nước sạch – sản phẩm thiết yếu đối với đời sống sinh hoạt của nhân dân. Do đó, song hành cùng hoạt động kinh doanh, chúng tôi luôn đề cao trách nhiệm phục vụ an sinh xã hội, đảm bảo cấp nước an toàn và ổn định. Qua đó, Công ty cam kết đồng hành cùng các cơ quan ban ngành trong việc cải thiện môi trường sống và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Bảo vệ Tài nguyên bền vững: Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy phạm pháp luật của Nhà nước trong thi công mạng lưới, bảo vệ hệ thống công trình ngầm và cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Đặc biệt, chúng tôi chấp hành tuyệt đối các quy định về tài nguyên nước, ưu tiên khai thác hiệu quả, tiết kiệm, nỗ lực hạn chế ô nhiễm và giữ vững an ninh nguồn nước bền vững.

Năng lực phát triển và Gắn kết giá trị cốt lõi: Phát triển năng lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt được sự phát triển an toàn, bền vững cho toàn hệ thống. Bằng cách tạo ra sự cộng hưởng, gắn kết chặt chẽ giữa sứ mệnh và giá trị cốt lõi, Công ty hướng tới những thành quả và giá trị đóng góp lớn lao hơn. Đây là mục tiêu đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc, nhất là trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động, việc đầu tư dự án mới gặp nhiều thách thức và áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng.

Khẳng định giá trị thương hiệu: Công ty không ngừng phát huy giá trị doanh nghiệp và vị thế thương hiệu trên nền tảng kiến tạo giá trị gia tăng thiết thực cho xã hội, khách hàng, cổ đông cùng toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh cơ bản nhiệm kỳ 2025 - 2030:

- Sản lượng nước tăng bình quân 3%/năm;
- Doanh thu tăng từ 2,4%/năm; lợi nhuận trước thuế tăng từ 1,3%/năm;
- Đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hằng năm;
- Tỷ lệ thất thoát nước: phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ dưới 15%.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm như công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ, thương hiệu của Công ty. Thực hiện quyết liệt các công tác chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất,... để phân kỳ đầu tư cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tăng vốn điều lệ của Công ty.

Tập trung khắc phục những khó khăn vướng mắc đẩy mạnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư; Tập trung cao cho công tác đầu tư phát triển nguồn (cải tạo nhà máy, thủ tục xây dựng nhà máy mới, tuyến ống nước thô...) và tiếp tục duy trì phát triển mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng; đẩy nhanh việc triển khai Scada cho các nhà máy nước còn lại.

Chỉ đạo thực hiện việc giám sát chặt chẽ việc quản lý và bảo vệ hành lang tuyến ống cấp nước của Công ty.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thất thoát nước, phân vùng tách mạng để theo dõi, giám sát, rà soát và cập nhật để có cơ sở quản lý và tiếp tục giảm tỷ lệ thất thoát nước của Công ty trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản trị nguồn nhân lực, thực hiện luân chuyển cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ năng động có khả năng đáp ứng mọi yêu cầu công việc. Đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của CBCNV, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kế cận, quy hoạch.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Định hướng chung về phát triển bền vững:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco) xác định phát triển bền vững là một trong những định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn, bảo đảm sự cân đối hài hòa giữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và lợi ích cộng đồng. Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng, Công ty chú trọng quản lý hiệu quả tài nguyên nước, nâng cao chất lượng dịch vụ và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Mục tiêu phát triển bền vững môi trường:

- Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, đáp ứng yêu cầu cấp nước an toàn và bền vững.
- Giảm thiểu các tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất, xử lý và phân phối nước sạch.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước.
- Trong ngắn hạn: Công ty tập trung tăng cường kiểm soát chất lượng nước sạch theo các quy chuẩn hiện hành; thực hiện bảo trì, nâng cấp hệ thống cấp nước nhằm hạn chế thất thoát, thất thu; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong hoạt động sản xuất và vận hành.
- Trong trung và dài hạn: Công ty từng bước đầu tư cải tiến công nghệ xử lý nước, hiện đại hóa hệ thống quản lý và giám sát vận hành; phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác bảo vệ nguồn nước, góp phần sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Mục tiêu phát triển bền vững xã hội

- Bảo đảm cung cấp nước sạch ổn định, an toàn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của khách hàng.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định, tạo điều kiện phát triển cho người lao động.
- Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, bảo đảm tính minh bạch và tuân thủ pháp luật.
- Trong ngắn hạn: Công ty duy trì chất lượng dịch vụ cấp nước, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và an toàn lao động.
- Trong trung và dài hạn, Công ty tiếp tục phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và cung cấp dịch vụ; hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng hiệu quả, chuyên nghiệp và phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

Mục tiêu phát triển bền vững cộng đồng

- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe cộng đồng thông qua việc cung cấp nước sạch an toàn.
- Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, gắn kết hoạt động sản xuất kinh doanh với sự phát triển chung của địa phương.
- Trong ngắn hạn: Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước.
- Trong trung và dài hạn: Công ty phối hợp với chính quyền địa phương trong việc mở rộng, cải thiện hệ thống cấp nước tại các khu vực còn khó khăn, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao đời sống người dân.



CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2025, kinh tế toàn cầu vận hành trong môi trường đầy biến động với những rủi ro đan xen từ lạm phát kéo dài, biến động lãi suất và các bất ổn địa chính trị phức tạp. Đặc biệt, sự thay đổi trong chính sách thuế quan từ các nền kinh tế lớn, điển hình là Hoa Kỳ, đã tạo ra áp lực đáng kể lên thương mại quốc tế và tính ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu. Tại thị trường trong nước, tỷ giá USD/VND đối mặt với áp lực điều chỉnh lớn, có thời điểm chạm ngưỡng 26.000 VND/USD, gây thách thức trực tiếp đến chi phí nhập khẩu của doanh nghiệp.

Dù chịu tác động từ các “lực cản” ngoại biên, kinh tế vĩ mô Việt Nam vẫn duy trì được nền tảng ổn định nhờ sự tích cực trong giải ngân vốn FDI và thặng dư thương mại khả quan. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP đạt mức ấn tượng 8,02% – một con số phản ánh nội lực mạnh mẽ và nỗ lực thích ứng linh hoạt của nền kinh tế trước những biến số khó lường từ thị trường quốc tế.

Là một doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn trọng điểm về công nghiệp, Dowaco chịu tác động trực tiếp từ sức khỏe của nền kinh tế và các biến số vĩ mô như lạm phát, lãi suất và sự dịch chuyển dòng vốn FDI. Đồng Nai sở hữu hệ thống các khu công nghiệp (KCN) phát triển bậc nhất cả nước. Khối khách hàng sản xuất công nghiệp luôn đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào tổng sản lượng và doanh thu của Dowaco. Lợi thế này cũng đồng thời là một rủi ro tập trung. Khi kinh tế toàn cầu suy thoái, các tập đoàn đa quốc



gia có thể cắt giảm quy mô sản xuất, dẫn đến nhu cầu nước sạch tại các KCN suy giảm. Trong năm 2025, Dowaco vận hành trong bối cảnh kinh tế tỉnh Đồng Nai bứt phá mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GRDP đạt mức kỷ lục 9,63%. Đặc biệt, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trưởng trên 15% đã tạo ra nhu cầu lớn về nguồn cung nước sạch và dịch vụ xử lý môi trường.

Bước sang năm 2026, nền kinh tế Việt Nam và thế giới dự báo sẽ đối mặt với chu kỳ áp lực lạm phát mới. Sự cộng hưởng từ chi phí năng lượng biến động, đứt gãy cục bộ chuỗi cung ứng và các chính sách tài khóa thắt chặt tại các nền kinh tế lớn đang tạo ra những thách thức đáng kể lên mặt bằng giá cả toàn cầu. Tại thị trường trong nước, áp lực từ tỷ giá và chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đòi hỏi sự linh hoạt trong công tác quản trị. Trước bối cảnh đó, Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp tối ưu hóa và tăng cường quản lý việc sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm bảo đảm thực hiện các mục tiêu tài chính đã đề ra. Đồng thời, Công ty tập trung hoàn thiện quy trình quản trị, kiểm soát chi phí và thường xuyên theo dõi, cập nhật các diễn biến kinh tế – thị trường, qua đó kịp thời điều chỉnh các chiến lược phù hợp, bảo đảm hoạt động ổn định và hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn.

Rủi ro pháp luật

Dowaco là công ty cổ phần được đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Vì thế, Công ty chịu sự giám sát chặt chẽ và bắt buộc phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện về công ty đại chúng cũng như nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cùng các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan. Trong năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán. Theo đó, Dowaco luôn liên tục cập nhật các nội dung sửa đổi, lưu ý rõ thời điểm có hiệu lực, và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các nội dung.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Dowaco chịu sự điều tiết trực tiếp từ các chính sách ngành cấp nước. Trong những năm qua, Dowaco chủ yếu khai thác và sử dụng nguồn nước mặt từ hệ thống sông Đồng Nai phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, trong bối cảnh chính sách quản lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường ngày càng được thắt chặt, Công ty đang phải đối mặt với nhiều thách thức mới. Tình trạng suy giảm chất lượng nước ngầm (do ô nhiễm hữu cơ, vi sinh) và các tác động của biến đổi khí hậu (xâm nhập mặn, hạn hán) đang đặt ra áp lực lớn. Để tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khắt khe của Bộ Y tế về chất lượng nước sạch, Dowaco buộc phải liên tục nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư công nghệ xử lý sâu phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường. Để thích ứng với các thay đổi về chính sách và định hướng quản lý tài nguyên nước, Dowaco đã chủ động xây dựng và triển khai các kế hoạch nhằm mở rộng, tối ưu hóa việc khai thác và sử dụng nguồn nước mặt, đồng thời nâng cao năng lực xử lý nước theo hướng bền vững và tuân thủ các quy định hiện hành. Quá trình chuyển dịch này đòi hỏi Công ty phải đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải tiến công nghệ xử lý nước và tăng cường năng lực vận hành, nhằm bảo đảm tính liên tục và ổn định của hoạt động cung cấp nước. Bên cạnh đó, các cơ chế, chính sách hỗ trợ và ưu đãi của Chính phủ và chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Công ty giảm thiểu chi phí đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật, Dowaco cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật liên quan, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động, Luật Chứng khoán, Luật Tài nguyên nước và Luật Bảo vệ môi trường. Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi của hệ thống pháp luật nhằm chủ động phòng ngừa và hạn chế rủi ro, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng quy định, đồng thời góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước và môi trường sống bền vững.



Rủi ro thất thoát nước

Công tác quản lý và giảm thiểu thất thoát nước không chỉ là một thách thức lớn mà còn là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa chi phí và phát triển bền vững trong sản xuất kinh doanh của ngành cấp nước. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Về mặt hạ tầng, hệ thống đường ống tại nhiều khu vực đô thị đã được đầu tư từ lâu, có dấu hiệu xuống cấp và ăn mòn theo thời gian, dẫn đến các dạng thất thoát ẩn như rò rỉ ngầm dưới đất khó phát hiện. Đặc biệt, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện đang triển khai hàng loạt dự án hạ tầng đô thị trọng điểm, quá trình thi công các dự án này có thể làm gia tăng nguy cơ hư hỏng đường ống và dẫn đến thất thoát nước.

Thực tế này đặt ra yêu cầu đối với các doanh nghiệp cấp nước, trong đó có Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, phải thường xuyên xây dựng và triển khai các kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng lưới cấp nước một cách đồng bộ, hợp lý và hiệu quả nhằm từng bước kiểm soát và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Giảm thiểu thất thoát nước được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành cấp nước, có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước. Thất thoát nước không chỉ bao gồm các trường hợp thất thoát dễ nhận biết như nước rò rỉ, tràn trên bề mặt, mà còn bao gồm các dạng thất thoát ẩn như nước rò rỉ ngầm dưới đất hoặc qua các tuyến kênh mương, gây nhiều khó khăn cho công tác phát hiện và kiểm soát. So với một số quốc gia trong khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam vẫn ở mức cao, phản ánh lượng nước sạch bị thất thoát và lãng phí đáng kể.

Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ hệ thống hạ tầng cấp nước tại nhiều khu vực đã được đầu tư từ lâu, có dấu hiệu xuống cấp; bên cạnh đó còn

tồn tại tình trạng sử dụng nước không đúng quy định của một bộ phận người dân. Trước thực trạng này, DOWACO đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp như tăng cường kiểm tra, sửa chữa và thay thế các đoạn đường ống hư hỏng; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý mạng lưới đường ống và tài sản; thực hiện phân vùng, tách mạng nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát thất thoát.

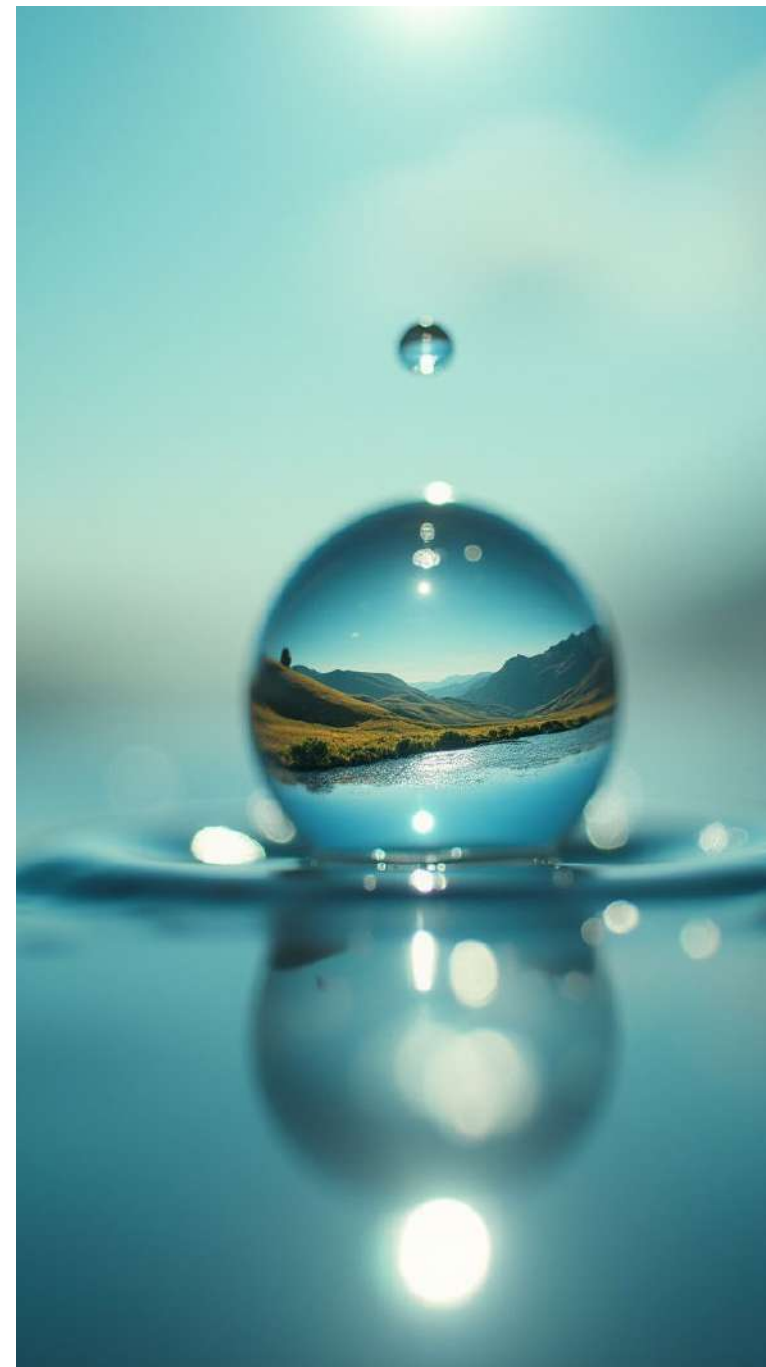
Ngoài ra, Công ty chú trọng công tác giám sát chất lượng thi công các tuyến ống mới, bảo đảm việc lắp đặt tuân thủ đầy đủ hồ sơ thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Các giải pháp nêu trên góp phần từng bước giảm thiểu thất thoát nước, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn nước sạch, qua đó đóng góp tích cực vào mục tiêu bảo vệ tài nguyên nước và phát triển bền vững trong dài hạn.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố đóng vai trò trung tâm trong công tác quản lý tài chính, đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhu cầu vốn đầu tư (CAPEX) rất lớn để liên tục duy trì, mở rộng và nâng cấp hạ tầng mạng lưới cấp nước như Dowaco. Để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, Công ty có thể sử dụng các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng hoặc huy động vốn thông qua các công cụ tài chính phù hợp. Trong quá trình xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, Công ty luôn thực hiện dự báo và tính toán chi phí lãi vay trên cơ sở các điều kiện thị trường tại thời điểm lập kế hoạch. Tuy nhiên, do lãi suất trên thị trường tài chính có thể biến động khó lường theo các yếu tố kinh tế vĩ mô và chính sách tiền tệ, các thay đổi ngoài dự kiến về lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí tài chính của Dowaco. Với dư nợ vay hiện tại của Công ty, bất kỳ sự gia tăng lãi suất nào cũng có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận, tác động đến dòng tiền và thời gian hoàn vốn của các dự án.

Rủi ro lãi suất

Để hạn chế tối đa tác động bất lợi từ rủi ro lãi suất, Dowaco chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường tài chính nhằm cân đối cơ cấu nguồn vốn và lựa chọn các hình thức vay vốn có chi phí tối ưu nhất. Đồng thời, Công ty không ngừng tăng cường công tác quản lý dòng tiền và kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, qua đó tạo ra bộ đệm tài chính an toàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến động lãi suất đối với kết quả sản xuất kinh doanh.



Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công ích thiết yếu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự quản lý và kiểm soát chặt chẽ từ Nhà nước. Hiện nay, giá bán nước sạch của Công ty vẫn đang được áp dụng theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 23/05/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Mặc dù Bộ Tài chính đã ban hành Thông báo 1250/TB-BTC về khung giá nước sạch năm 2025, nhưng việc xây dựng và trình phê duyệt phương án giá mới phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hệ thống từ Luật Giá 2023 và Nghị định 85/2024/NĐ-CP. Do quy trình thẩm định phức tạp và đòi hỏi thời gian thực hiện theo đúng trình tự pháp luật, Công ty chưa thể chủ động điều chỉnh giá bán kịp thời theo các biến động chi phí trên thị trường. Đây là đặc thù ngành đòi hỏi Công ty phải liên tục tối ưu hóa chi phí vận hành để đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong khi chờ đợi lộ trình điều chỉnh giá mới từ cơ quan thẩm quyền. Theo đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan. Giá bán nước được Nhà nước xem xét, điều chỉnh trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và người sử dụng nước, đồng thời áp dụng theo các khung giá đối với từng khu vực và nhóm đối tượng sử dụng khác nhau. Trong một số giai đoạn, việc điều chỉnh giá bán nước có thể chưa theo kịp diễn biến của chi phí đầu vào và mặt bằng giá cả thị trường, qua đó có thể ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của Công ty.



Rủi ro thị phần cấp nước

Theo quy định của pháp luật hiện hành (cụ thể tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007), mỗi vùng phục vụ chỉ do một đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ nhằm đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả hạ tầng. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay vẫn còn tồn tại tình trạng một số đơn vị cung cấp nước sạch chưa tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước trong hoạt động sản xuất và cung cấp, dẫn đến hiện tượng cạnh tranh tự phát và chèn lấn vùng cấp nước. Trước thực trạng này, Công ty đã chủ động rà soát, thực hiện và nộp hồ sơ đề nghị thỏa thuận vùng cấp nước đến Sở Xây dựng theo đúng trình tự quy định. Dù vậy, tính đến thời điểm lập báo cáo, việc ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trên địa bàn tỉnh vẫn chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh chính thức phê duyệt.

Tình trạng pháp lý này tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng nhất định đến công tác quản lý địa bàn, kiểm soát chống chèn lấn vùng phục vụ, cũng như gây khó khăn cho việc hoạch định chiến lược đầu tư, phát triển và mở rộng hệ thống hạ tầng mạng lưới cấp nước của Công ty trong trung và dài hạn. Để giảm thiểu rủi ro này, Dowaco cam kết tiếp tục bám sát, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để nhanh chóng tháo gỡ vướng mắc, sớm hoàn tất ký kết thỏa thuận nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và cổ đông.



Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro đặc thù của ngành cấp nước, Dowaco còn đối mặt với các rủi ro mang tính khách quan và bất khả kháng từ biến đổi khí hậu, thiên tai. Điển hình, lưu vực sông Đồng Nai đang chịu tác động ngày càng rõ rệt từ hiện tượng xâm nhập mặn trong các tháng cao điểm mùa khô (khi độ mặn có thể vượt ngưỡng 250 mg/L), hay hạn hán làm hạ thấp mực nước gây khó khăn cho các trạm bơm nước thô. Ngược lại, vào mùa mưa lũ, lượng phù sa và rác thải lớn làm độ đục của nước sông tăng đột biến, gây quá tải cho các hệ thống bể lắng. Thêm vào đó, các sự cố kỹ thuật bất khả kháng như vỡ tuyến ống truyền tải chính (DN800 - DN1000) có thể gây gián đoạn cấp nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chuỗi sản xuất của các khách hàng khu công nghiệp.

Để chủ động ứng phó với các thách thức này, Công ty thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng cấp nước; đồng thời xây dựng các phương án dự phòng chiến lược như nghiên cứu các hồ chứa nước thô dung tích lớn để điều tiết trong tình huống khẩn cấp, cũng như duy trì đội ngũ ứng cứu sự cố túc trực 24/7 cùng hệ thống vật tư dự phòng. Đồng thời, Công ty tiếp tục chú trọng công tác quản lý rủi ro thông qua việc tham gia bảo hiểm tài sản, bảo hiểm công trình và các hình thức bảo hiểm phù hợp khác nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại tài chính phát sinh.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh Công ty đang thực hiện các định hướng kiện toàn, tinh gọn bộ máy tổ chức, rủi ro về biến động nguồn nhân lực cũng được Ban lãnh đạo đặc biệt lưu tâm. Dowaco cam kết phát triển nguồn nhân lực ổn định và bền vững thông qua việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, áp dụng các chính sách đãi ngộ cạnh tranh để giữ chân đội ngũ chuyên gia kỹ thuật giàu kinh nghiệm. Việc bảo đảm chế độ phúc lợi và xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh được xem là cơ sở cốt lõi giúp Công ty duy trì hoạt động vận hành xuyên suốt, nâng cao năng lực thích ứng và phát triển bền vững trước mọi biến động.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Sự đoàn kết và nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ nhân viên cùng Ban Lãnh đạo là nhân tố then chốt giúp DOWACO đạt kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2025. Tập thể công ty đã phát huy tốt tinh thần dân chủ và sức mạnh nội bộ để hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Năm 2025 là một năm vượt khó thành công của Công ty trong bối cảnh kinh tế vĩ mô có nhiều diễn biến bất lợi. Điểm sáng lớn nhất nằm ở khả năng thích ứng quản trị và duy trì sự ổn định vận hành, đảm bảo an ninh nguồn nước – một nhiệm vụ then chốt đối với địa bàn trọng điểm như Đồng Nai. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh vẫn chịu áp lực nặng nề từ các yếu tố khách quan như quy hoạch đô thị (nhiều công ty di dời Khu công nghiệp Biên Hòa 1) và sự không đồng bộ trong hạ tầng kỹ thuật của tỉnh. Đặc biệt, vấn đề tỷ lệ thất thoát nước và việc tối ưu hóa doanh thu sau khi thay đổi chính sách đầu nối sẽ là những bài toán chiến lược mà Công ty cần ưu tiên giải quyết để đảm bảo sự phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Kết thúc năm 2025, tổng doanh thu Công ty đạt 1.174.228 triệu đồng, tăng nhẹ 1,28% so với cùng kỳ và đạt 98,67% so với Kế hoạch được ĐHĐCĐ đề ra, chủ yếu nhờ vào tác động tích cực từ hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty. Kết quả lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều ghi nhận vượt kế hoạch trong năm, lần lượt là 300.409 triệu đồng và 271.137 triệu đồng. Theo đó, công tác sản xuất kinh doanh tiếp tục ghi nhận những diễn biến tích cực. Cụ thể, tình hình sản xuất nước ghi nhận 142.910.354 m³ đạt 98% so với năm 2024; nước ghi thu là 120.102.044 m³ đạt 96,9% so với năm 2024; tỷ lệ thất thoát nước thực hiện 2025 là 16%, cao hơn 1% của kế hoạch 2025 và thấp hơn so với năm 2024 là 0,1%; với những yếu tố trên đã góp phần vào kết quả kinh doanh chung năm 2025 đạt mục tiêu đề ra.

Chủ động trước sự khởi sắc của nền kinh tế 2025, DOWACO không ngừng nỗ lực nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh với mục tiêu trọng tâm là sự hài lòng của khách hàng. Chúng tôi cam kết duy trì nguồn nước sạch ổn định, xử lý nhanh chóng mọi vấn đề kỹ thuật với tinh thần trách nhiệm và an toàn cao nhất. Đặc biệt, công tác giám sát chất lượng nước tại Đồng Nai luôn được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo nguồn nước cấp và nước thải luôn đạt chuẩn quốc gia, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường.

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % so với kế hoạch	%Tăng/giảm so với cùng kỳ
1	Sản lượng nước sản xuất	m3	145.863.000	142.205.850	142.910.354	97,98%	0,50%
2	Sản lượng nước ghi thu	m3	124.000.000	119.276.548	120.102.044	96,86%	0,69%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15	16,1	16,0	1,0	-0,1

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % so KH
1	Tổng doanh thu (Loại CLTG)	Tr.đồng	1.190.000	1.174.228	98,67%
	- Doanh thu nước	Tr.đồng	1.130.000	1.091.578	96,60%
	- Doanh thu xây lắp	Tr.đồng	24.900	28.426	114,16%
	- Doanh thu HĐTC (Loại CLTG)	Tr.đồng	4.100	4.155	101,34%
	- Doanh thu nước Doriv	Tr.đồng	25.000	43.429	173,72%
	- Doanh thu khác	Tr.đồng	6.000	6.642	110,70%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	300.000	300.409	0,14%
	- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Tr.đồng	300.000	321.755	107,25%
	- Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	-	-21.346	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	270.000	271.137	0,42%
	- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Tr.đồng	270.000	290.349	107,54%
	- Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	-	-19.212	
6	Các khoản phải nộp NS	Tr.đồng	120.000	127.316	106,10%
7	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng	471.000	202.738	43,04%

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng doanh thu (loại CLTG)	1.159.443	1.174.228	1,28%
-	Doanh thu nước	1.091.236	1.091.578	0,03%
-	Doanh thu xây lắp	24.817	28.426	14,5%
-	Doanh thu HĐTC (loại CLTG)	33.396	43.429	30%
-	Doanh thu nước Doriv	3.427	4.115	21,2%
-	Doanh thu khác	6.568	6.642	1,1%
2	Lợi nhuận trước thuế (loại CLTG)	316.856	321.775	1,6%
3	Lợi nhuận sau thuế (loại CLTG)	285.081	290.349	1,8%

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)		Tỷ lệ sở hữu (%)
			Cá nhân	Đại diện	
1	Trần Văn Nguyên	TV HĐQT Giám đốc	0	18.000.000	15%
2	Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc	0	0	0%
3	Nguyễn Cao Hà	TV HĐQT Phó Giám đốc	0	12.000.000	10%
4	Lê Thành Trung	Phó Giám đốc	0	0	0
5	Nguyễn Bách Thảo	Phụ trách kế toán	0	0	0

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Trần Văn Nguyên	17/02/1976	Giám đốc	01/03/2025
2	Đặng Văn Chất	22/11/1977	Phó Giám đốc	01/03/2025 (Bổ nhiệm lại)
3	Nguyễn Cao Hà	15/10/1971	Phó Giám đốc	01/03/2025 (Bổ nhiệm lại)
4	Lê Thành Trung	27/05/1981	Phó Giám đốc	01/04/2025
5	Nguyễn Thu Oanh	25/01/1969	Kế toán trưởng	Nghỉ chế độ hưu trí theo QĐ số 19/QĐ-HĐQT ngày 26/9/2025 kể từ ngày 01/10/2025
6	Nguyễn Bách Thảo	22/01/1982	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm chức danh Phụ trách kế toán Công ty kể từ ngày 01/10/2025

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

01

ÔNG TRẦN VĂN NGUYÊN
TV Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

- Nơi sinh:** Đồng Nai
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:**

1999 - 2001

Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng giao thông Sài Gòn

2001 - 2003

Cán bộ kỹ thuật tại Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Việt Hưng

2003 - 2008

Nhân viên và sau đó là Phó phòng kỹ thuật tại Ban quản lý khu vực chuyên ngành GTVT Đồng Nai

01/2008 - 2010

Quyền trưởng Ban và sau đó là Trưởng Ban quản lý dự án tại Khu quản lý đường bộ đường thủy Đồng Nai

Từ 2010 - 2015

Nhân viên và Trưởng Ban quản lý dự án cầu Hóa An (giai đoạn 2011-2015) tại Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp

2016 - 06/2024

Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Từ 07/2024 – 28/02/2025

Phó Giám đốc Công ty và Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ bộ phận Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco).

02/2025 - nay

Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty và Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ bộ phận Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco).

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghệ là 18.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

02 ÔNG ĐẶNG VĂN CHẤT

Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân.

- **Nơi sinh:** Nghệ An
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cầu đường
- **Quá trình công tác:**

8/2000 - 10/2005	Cán bộ phòng kỹ thuật tại Công ty Cầu 14
11/2005 - 09/2007	Phó trưởng phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cầu 14 - CIENCO 1
10/2007 - 01/2014	Đội trưởng; UV.BCH Đảng bộ; Bí thư Chi bộ Đội Cầu 3 - Công ty CP Cầu 14 - CIENCO 1; Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật BQL điều hành dự án Cầu Tam Phú - CIENCO 1
02/2014 - 07/2017	Phó Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc
08/2017 - 05/2019	Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền
06/2019 - 28/02/2025	- Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai; - Ngày 17/4/2020: Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 kiêm Phó Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
01/3/2025 - nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai Ngày 01/01/2026 kiêm Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân.
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

03 ÔNG NGUYỄN CAO HÀ

TV Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc

- **Nơi sinh:** Quảng Bình
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán tài chính; Thạc sỹ kinh doanh và quản lý
- **Quá trình công tác:**

1988 - 1995	Công nhân tại Xí nghiệp gạch ngói 3/2, Tân Vạn, Biên Hòa, Đồng Nai
1995 - 1998	Quản đốc tại Xí nghiệp gạch ngói 3/2, Tân Vạn, Biên Hòa, Đồng Nai
1998 - 2003	Kế toán trưởng tại Quỹ tín dụng Trung ương chi nhánh Đồng Nai
2003 - 06/2007	Nhân viên tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai)
07/2007 - 07/2010	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
07/2010 - 10/2013	Phó phòng Tài chính kế toán tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai)
10/2013 - 17/04/2020	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ; TV.HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020; UV.BCH Đảng bộ bộ phận nhiệm kỳ 2020-2025 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
17/04/2020 - nay	TV.HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; Phó Giám đốc Công ty; UV.BCH Đảng bộ bộ phận nhiệm kỳ 2025-2030 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
17/04/2020 - 28/02/2025	TV.HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; Phó Giám đốc Công ty; UV.BCH Đảng bộ bộ phận nhiệm kỳ 2025-2030
28/02/2025 đến nay	TV.HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030; Phó Giám đốc Công ty; UV.BCH Đảng bộ bộ phận nhiệm kỳ 2025-2030
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp là 12.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

04

ÔNG LÊ THÀNH TRUNG

Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty

- **Nơi sinh:** Củ Chi
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng; Kỹ sư Xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước
- **Quá trình công tác:**

Từ 07/2001	Công nhân tổ Cơ điện - Xí nghiệp Nước Biên Hòa – Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai)
07/2003 – 09/2007	Nhân viên Phòng Kế hoạch kỹ thuật – Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai)
09/2007 – 11/2009	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật – Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai)
12/2009-01/2010	Phó phòng Kỹ thuật Ban Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai – Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai)
02/2010-07/2014	Cán bộ Phòng Cảnh sát Môi trường – Công an tỉnh Đồng Nai
08/2014-01/2021	Cán bộ Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an tỉnh Đồng Nai
02/2021 – 02/2022	Trợ lý Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
03/2022 – 05/2024	Trưởng phòng Kinh doanh, Trợ lý Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
03/2023 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
04/2024 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh Trưởng
06/2024 – 3/2025	Trưởng Ban Quản lý dự án Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
04/2025-nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai Ngày 01/01/2026 kiêm Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT tại CTCP Cấp nước Long Khánh, Thành viên HĐQT tại CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

05

BÀ NGUYỄN BÁCH THẢO

Phụ trách kế toán

- **Nơi sinh:** Đồng Nai
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế
- **Quá trình công tác:**

Từ 7/2004 - 6/2010	Nhân viên kế toán - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
Từ 7/2010 - 11/2011	Nhân viên kế toán - Tổng Công ty Phát triển KCN
Từ 12/2011 - 8/2013	Phụ trách kế toán - Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền - Tổng Công ty Phát triển KCN
Từ 9/2013- 4/2014	Nhân viên kế toán - Tổng Công ty Phát triển KCN
Từ 5/2014 - 6/2017	Kế toán trưởng - Xí Nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền - Tổng Công ty CP Phát triển KCN
Từ 7/2017 - 10/2024	Kế toán trưởng - Công ty CP Sonadezi Giang Điền
Từ 11/2024 -11/2024	Chuyên viên - Công ty CP Sonadezi Giang Điền
Từ 10/2015 - đến nay	Thành viên BKS - Công ty CP Môi Trường Sonadezi
Từ 12/2024 đến 9/2025	Nhân viên kế toán tổng hợp - Công ty CP Cấp Nước Đồng Nai
Từ 10/2025 - đến nay	Phụ trách Kế toán Công ty CP Cấp Nước Đồng Nai
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên Ban kiểm soát CTCP Môi trường Sonadezi
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	876	100%
1	Trên đại học	42	4,79%
2	Đại học	451	51,48%
3	Cao đẳng	57	6,51%
4	Trung cấp	67	7,65%
5	Khác	301	29,57%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	876	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	89	10,16%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	787	89,84%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0
Tổng cộng		876	100%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	891	879	876
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	18.159.022	18.936.906	18.928.981





CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng

Xây dựng một chính sách nhân sự chuyên nghiệp, bài bản được DOWACO xác định là nền tảng cốt lõi để bộ máy quản trị hoạt động hiệu quả, đồng bộ và luôn bám sát định hướng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Với nhận thức sâu sắc rằng con người chính là yếu tố quyết định sự thành công bền vững của doanh nghiệp.

Công ty luôn đặt mục tiêu thu hút nhân tài từ thị trường lao động và giữ chân nhân viên giỏi thông qua việc kiến tạo môi trường làm việc hiện đại, sáng tạo, công bằng và khuyến khích đổi mới. Mỗi cá nhân đều được tạo điều kiện để phát huy tối đa khả năng, nâng cao kỹ năng chuyên môn, phát triển năng lực cá nhân và đóng góp hiệu quả vào mục tiêu chung của tổ chức.

Những chính sách nhân sự này không chỉ giúp DOWACO hình thành một tập thể gắn kết, vững mạnh, mà còn chuẩn bị nguồn lực chất lượng sẵn sàng đối phó với mọi biến động và thách thức trong tương lai, từ đó góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững và tăng trưởng ổn định của Công ty.

Công tác đào tạo

Việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được Công ty xác định là yếu tố then chốt trong chiến lược xây dựng và củng cố đội ngũ nhân sự chất lượng cao, bền vững. Nhận thức rõ con người chính là tài sản quý giá nhất quyết định sự thành bại của doanh nghiệp, Công ty liên tục cải tiến hệ thống quản trị, kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và khuyến khích phát huy tối đa tiềm năng của từng cá nhân.

Trong năm vừa qua, nhiều khóa học thiết thực đã được tổ chức thành công, bao gồm chương trình nâng cao tay nghề để xét nâng bậc thợ cho đội ngũ công nhân kỹ thuật, các buổi tập huấn chuyên sâu về an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu tại chỗ nhằm bảo vệ sức khỏe và tính mạng người lao động, cũng như các khóa đào tạo chuyên biệt về an toàn hóa chất dành riêng cho nhân viên vận hành và phòng thí nghiệm.

Những nỗ lực này không chỉ góp phần nâng tầm chất lượng nguồn nhân lực mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc xây dựng một đội ngũ vững vàng, sẵn sàng thích ứng và chinh phục các mục tiêu phát triển dài hạn.

Môi trường công việc

Môi trường làm việc tại Công ty được xây dựng chuyên nghiệp, hiện đại và tràn đầy năng lượng tích cực, nơi mỗi cá nhân đều cảm nhận được sự tôn trọng, hỗ trợ và cơ hội phát triển. Với không gian làm việc sạch sẽ, đầy đủ trang thiết bị hiện đại, cùng văn hóa doanh nghiệp minh bạch, rõ ràng về mục tiêu và quy trình, nhân viên dễ dàng tập trung cao độ vào công việc.

Công ty luôn khuyến khích tinh thần đồng đội, sáng tạo và trao đổi cởi mở giữa các cấp bậc, tạo điều kiện để mọi người chia sẻ ý tưởng, học hỏi lẫn nhau và cùng hướng tới mục tiêu chung. Nhờ đó, môi trường không chỉ giúp nâng cao năng suất lao động, tăng cường sự gắn kết mà còn mang lại động lực bền vững.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Từ năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thu nhập và phúc lợi mới, đảm bảo chính sách lương thưởng minh bạch, công bằng và tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Công ty thực hiện trả lương hai lần mỗi tháng vào ngày 20 của tháng hiện tại (lương tạm ứng) và ngày 5 của tháng tiếp theo (lương thanh toán chính thức), dựa trên mức lương được ghi rõ trong hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi nhận lương sẽ được cung cấp bảng lương chi tiết, giúp nắm rõ mọi khoản thu nhập, khấu trừ và các thành phần liên quan, đảm bảo tính minh bạch và dễ theo dõi.

Công ty xây dựng một chính sách đãi ngộ linh hoạt, cạnh tranh và hấp dẫn nhằm tạo động lực mạnh mẽ, thúc đẩy tinh thần làm việc hăng say cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Các dự án vốn vay ODA:

- Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 1) công suất 100.000m³/ngày: Công ty tiếp tục có các văn bản giải trình và xin ý kiến của Sở Tài chính để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về điều chỉnh Dự án theo quy định.
- Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2) công suất 100.000m³/ngày: Công ty tiếp tục có các báo cáo giải trình và xin ý kiến của Sở Tài chính, UBND tỉnh Đồng Nai đề xuất xin dừng vốn ODA cho dự án.
- Dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2) công suất 100.000m³/ngày: UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án (Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 15/9/2025).

Các dự án vốn vay thương mại và vốn khác:

Triển khai thực hiện 78 dự án với khối lượng thực hiện là 155.309 triệu đồng, gồm: 22 dự án trong giai đoạn kết thúc, 11 dự án đang thi công, 13 dự án ở giai đoạn thực hiện dự án và 32 dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Các công trình cải tạo, mở mạng, sửa chữa; chống thất thoát:

Thực hiện các hạng mục cải tạo, mở mạng, sửa chữa và chống thất thoát theo kế hoạch với tổng khối lượng thực hiện là 28.675 triệu đồng.

Công tác mua sắm:

Thực hiện mua sắm vật tư thiết bị theo Kế hoạch đầu tư XD CB và mua sắm TSCĐ với giá trị là 18.754 triệu đồng.

Thực hiện công tác giám sát thi công và chống thất thoát:

Công tác dò tìm ống bể: Tổng điểm báo trên Group ống bể: 9.259 điểm, trong đó Tổ dò tìm của Phòng Kỹ thuật phát hiện 750 điểm rò rỉ, bể ống (ống STK, HDPE D25, D63, D90, D110...) trên địa bàn các Phường: Trấn Biên, Long Bình, Tam Hiệp, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Hố Nai, Trảng Dài, Tân Triều và KCN Biên Hòa 1.

Thực hiện kiểm tra các đồng hồ điện từ có chỉ số tăng/giảm đột biến và kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ đồng hồ và Datalogger và các trường hợp đồng hồ điện từ gặp sự cố; chuyển đổi, di dời các đồng hồ của khách hàng tại khu vực HTX An Hòa: 542/1.163 đồng hồ.

Điều tiết áp lực tại các Trạm tăng áp KCN 2 để đảm bảo áp lực cho khu vực Long Bình Tân, An Hòa và Phước Tân. Phối hợp vận hành bơm nước thô Thạnh Phú đảm bảo nguồn nước thô cho các Chi nhánh Thiện Tân, Nhơn Trạch.

Phối hợp với các đơn vị thi công tuyến đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu để bảo vệ an toàn tuyến ống cấp nước và hạn chế mất nước của khách hàng.

Thực hiện tăng cường công tác kiểm tra và xây dựng phương án ứng phó với sự cố trong tình hình biến đổi khí hậu cực đoan, đảm bảo cấp nước an toàn.

Triển khai cúp nước theo từng giai đoạn đối với các doanh nghiệp tại KCN Biên Hòa 1 để thực hiện Đề án chuyển đổi KCN thành khu đô thị - thương mại - dịch vụ. Trong tổng số 124 đồng hồ tại KCN Biên Hòa 1 thuộc đề án đã cúp đến 07/01/2026: 82 đồng hồ, còn lại 42 đồng hồ của những khách hàng đang di dời.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP Cấp nước Nhơn Trạch (NTW)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	193.919	200.201	103,24%
2	Doanh thu thuần	167.047	194.775	116,60%
3	Giá vốn hàng bán	141.712	162.658	114,78%
4	Lợi nhuận gộp	11.967	18.406	153,81%
5	Lợi nhuận khác	181	2.906	1605,52%
6	Lợi nhuận trước thuế	12.149	21.313	175,43%
7	Lợi nhuận sau thuế	10.487	18.442	175,86%

CTCP Cấp nước Long Khánh (LKW)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	100.653	99.240	98,60%
2	Doanh thu thuần	45.046	47.325	105,06%
3	Giá vốn hàng bán	16.218	13.984	86,23%
4	Lợi nhuận gộp	23.757	25.190	106,03%
5	Lợi nhuận khác	-250	128	-
6	Lợi nhuận trước thuế	15.968	14.113	88,38%
7	Lợi nhuận sau thuế	14.056	12.406	88,26%

CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (DVW)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	65.242	66.934	102,59%
2	Doanh thu thuần	44.432	44.823	100,88%
3	Giá vốn hàng bán	23.504	23.700	100,83%
4	Lợi nhuận gộp	20.927	21.123	100,94%
5	Lợi nhuận khác	222	34	15,32%
6	Lợi nhuận trước thuế	11.315	10.867	96,04%
7	Lợi nhuận sau thuế	9.988	9.582	95,94%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	3.523.436	3.442.158	-2,31%
2	Doanh thu thuần	1.282.997	1.309.241	2,05%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	384.279	314.149	-18,25%
4	Lợi nhuận khác	1.786	6.922	287,61%
5	Lợi nhuận trước thuế	386.065	321.072	-16,83%
6	Lợi nhuận sau thuế	345.953	287.047	-17,03%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	16%	33,33%

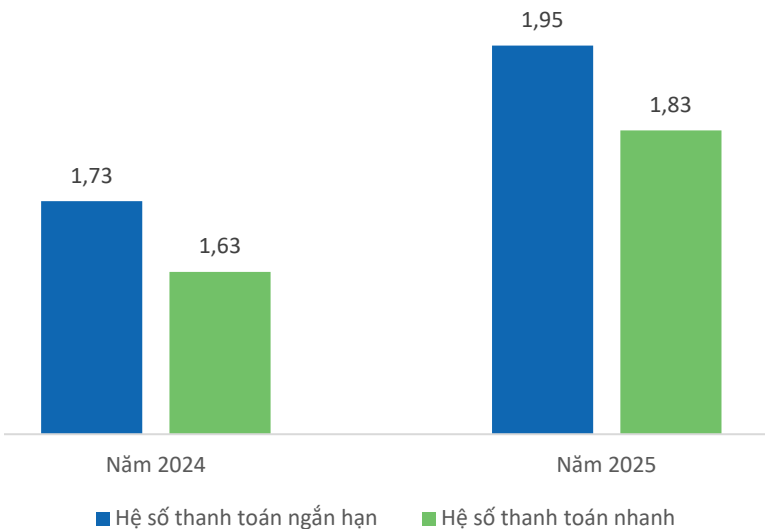
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,73	1,95
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,63	1,83
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	30,59%	27,82%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	44,06%	38,55%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	18,31	17,65
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,36	0,38
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	26,96%	21,92%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	14,61%	11,64%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,81%	8,24%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần (LN HDSXKD/ DTT)	%	29,95%	23,99%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Năm 2025, Công ty Dowaco đã ghi nhận sự cải thiện rõ rệt ở cả hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,73 lần lên 1,95 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng được nâng lên từ 1,63 lần đạt 1,83 lần so với năm trước. Điều này cho thấy các hệ số thanh toán của Dowaco vẫn duy trì ở mức an toàn, cho thấy công ty vẫn đảm bảo tốt khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn.

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản ngắn hạn của Dowaco đạt khoảng 823 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,68% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu này, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng áp đảo với 74,97%, tương ứng với khoảng 617 tỷ đồng. Phần lớn số tiền này được đặt tại các ngân hàng lớn như Vietcombank và Vietinbank với mức lãi suất dao động từ 4,5% đến 6,1%/năm.

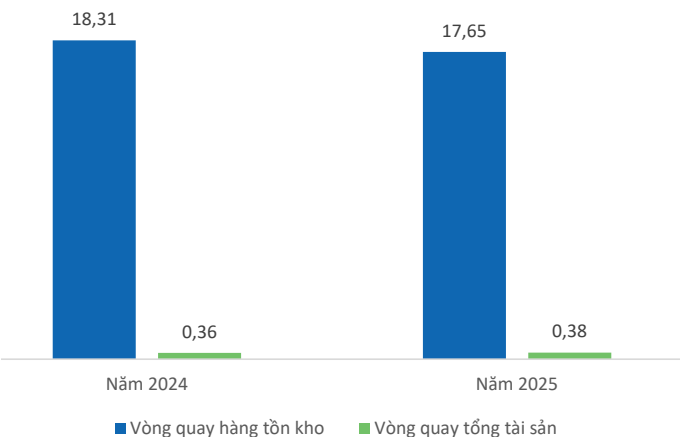
Nhìn chung, Dowaco vẫn giữ được hệ số thanh toán ngắn hạn trên 1, chứng tỏ công ty có đủ tài sản ngắn hạn để đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khi đến hạn. Đặc biệt, giá trị hệ số thanh toán nhanh khá sát với hệ số thanh toán ngắn hạn, phản ánh tỷ lệ lớn các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền mặt, khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn. Điều này cho thấy Dowaco đang quản lý nguồn vốn lưu động khá hiệu quả, duy trì dòng tiền ổn định để thực hiện các cam kết tài chính mà không tạo áp lực lớn lên hoạt động kinh doanh chính.



Chỉ tiêu năng lực hoạt động

Hàng tồn kho của các doanh nghiệp ngành cấp thoát nước mang những đặc điểm riêng biệt, phản ánh tính chất hoạt động đặc thù của ngành. Đó là những nguyên vật liệu thiết yếu cho quá trình khử trùng, lọc nước, đảm bảo nguồn nước sạch đến với người tiêu dùng. Bên cạnh đó, không thể không kể đến các công cụ, dụng cụ phục vụ công tác bảo dưỡng, duy tu và sửa chữa hệ thống công trình, đường ống của doanh nghiệp.

Đối với chỉ số về vòng quay tổng tài sản, vì trong năm không phát sinh khoản đầu tư lớn nên hệ số này của Công ty không có nhiều biến động so với cùng kỳ, ghi nhận tăng từ 0,36 vòng lên 0,38 vòng. Do giá bán nước bình quân tăng lên, cùng với nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, đẩy doanh thu tăng theo, cũng góp phần tích cực cho chỉ số vòng quay tổng tài sản.

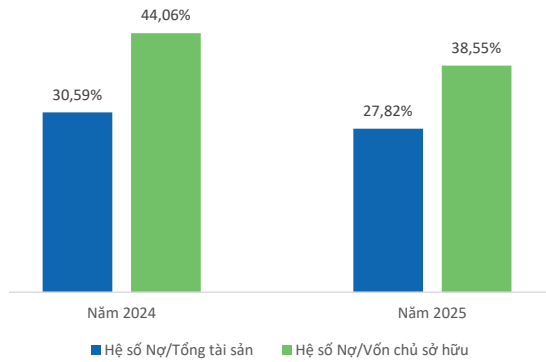




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Nợ phải trả của Dowaco có xu hướng giảm so với đầu năm, đạt khoảng 957,7 tỷ đồng vào cuối năm 2025, tương ứng chỉ còn 89,44% so với mức cùng kỳ. Về cơ cấu nợ, tỷ lệ giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn duy trì gần cân bằng, xấp xỉ 45% – 55%. Trong đó, tại thời điểm 31/12/2025, nợ ngắn hạn của Dowaco nổi bật với khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, đạt 169,2 tỷ đồng, tương đương khoảng 40% tổng nợ ngắn hạn.

Tổng tài sản của công ty tiếp tục giữ mức ổn định, ghi nhận 3.442,16 tỷ đồng vào cuối năm 2025. Trong cơ cấu tài sản, hai khoản mục chiếm tỷ trọng chính là tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn. Đặc biệt, tài sản cố định đạt giá trị 2.379,87 tỷ đồng. Trong năm, Dowaco đã đầu tư mạnh vào việc mua sắm tài sản cố định hữu hình và hoàn thành xây dựng cơ bản với tổng nguyên giá khoảng 223,97 tỷ đồng, chủ yếu phục vụ cho các hoạt động duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa và triển khai các dự án công trình cấp nước.

Vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng trưởng tích cực, nhờ kết quả kinh doanh khả quan trong năm. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng thêm 269,8 tỷ đồng, đưa mức số dư lên 697,4 tỷ đồng, đồng thời quỹ đầu tư phát triển cũng bổ sung hơn 89 tỷ đồng, đạt 386,9 tỷ đồng trong cơ cấu vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2025.

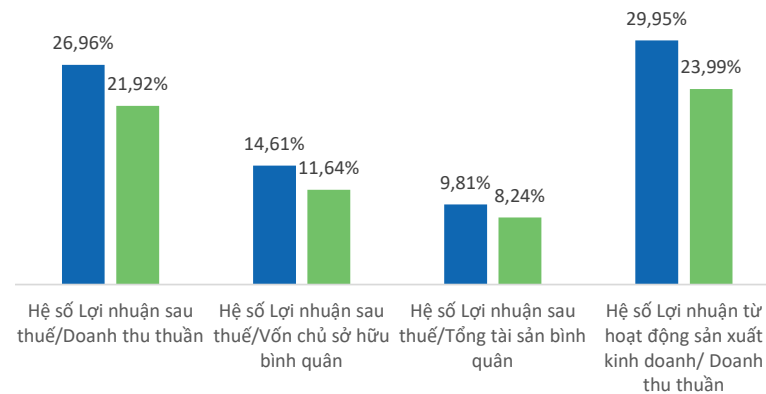
Tổng thể, tình hình tài chính của Dowaco trong giai đoạn gần đây thể hiện sự ổn định cao, với mức nợ phải trả và tổng tài sản được kiểm soát hợp lý. Điều này phản ánh hiệu quả quản lý tài chính cũng như cách tiếp cận thận trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của công ty. Hệ số nợ vay trên tổng tài sản hầu như không biến động mạnh, phù hợp với mô hình hoạt động bền vững mà Dowaco đang duy trì.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Dowaco tiếp tục duy trì các hệ số sinh lời ở mức ổn định, mặc dù các hệ số có suy giảm nhẹ trong năm 2025. Cụ thể năm 2025, doanh thu ghi nhận 1.309 tỷ đồng, cao hơn 2% so với năm 2024. Mặc dù doanh thu nước là mảng chính, ghi nhận 1.174 tỷ đồng, tương ứng 96,6% kế hoạch. Đây là nguyên nhân chính khiến tổng doanh thu không đạt mục tiêu vì mảng này chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tuy nhiên, Dowaco ghi nhận các mảng đột biến như Doanh thu nước Doriv đạt 173,7% kế hoạch. Doanh thu xây lắp hoàn thành 114,2% kế hoạch.

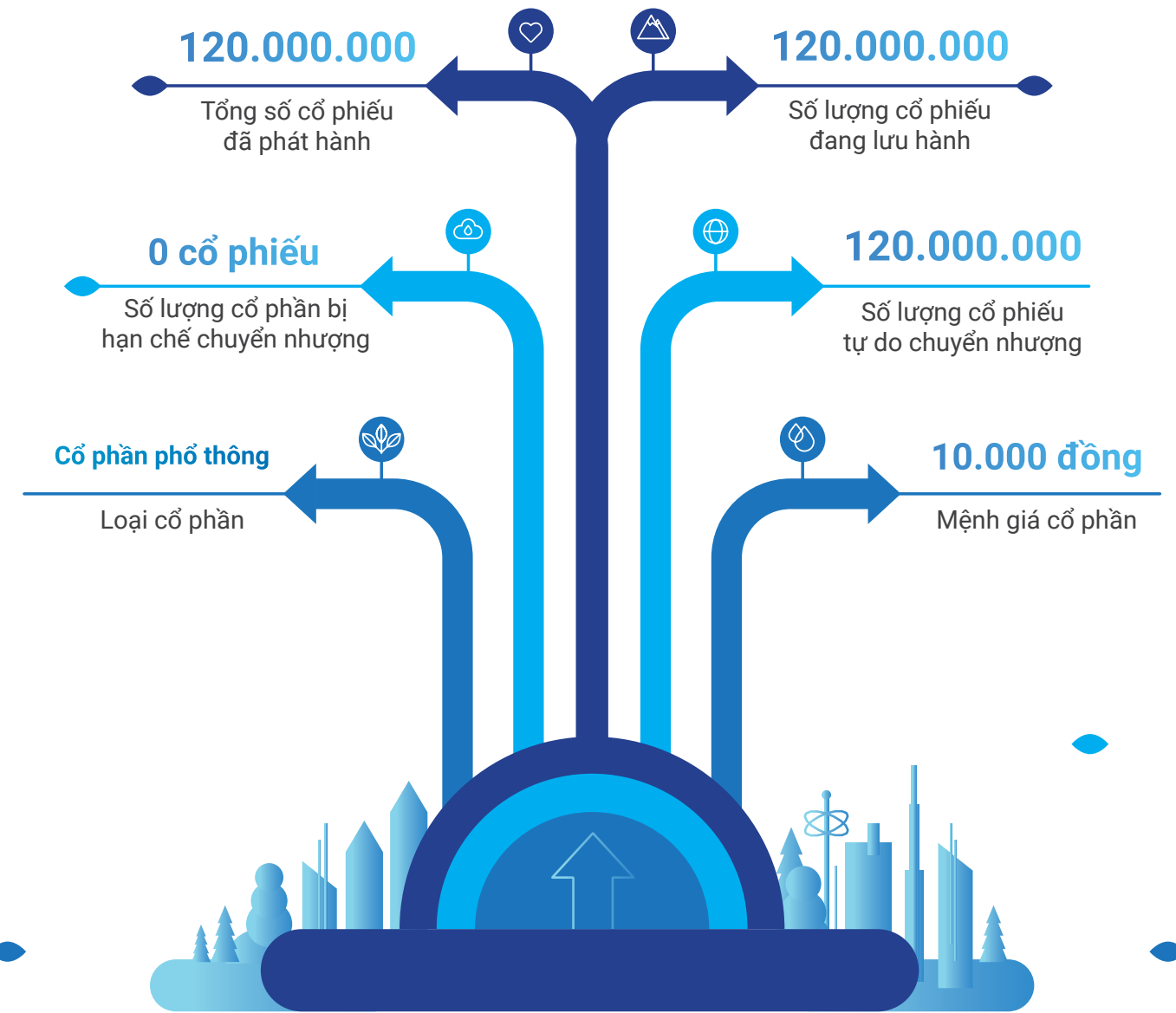
Năm 2025 là một năm kinh doanh hiệu quả của

Dowaco. Dù doanh thu mảng nước truyền thống hơi thấp hơn kỳ vọng, nhưng việc tối ưu hóa chi phí và sự bùng nổ của các mảng phụ (nước Doriv, xây lắp) đã giúp công ty đạt được mục tiêu lợi nhuận cho cổ đông.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 9,5%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Theo danh sách cổ đông tại ngày 02/03/2026)

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	119.943.563	1.199.435.630.000	99,953%
1	Tổ chức	114.611.539	1.146.115.390.000	95,510%
2	Cá nhân	5.332.024	53.320.240.000	4,443%
II	Cổ đông nước ngoài	56.437	564.370.000	0,047%
1	Tổ chức	4.737	47.370.000	0,004%
2	Cá nhân	51.700	517.000.000	0,043%
Tổng cộng (I + II)		120.000.000	1.200.000.000.000	100,000%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/ VDL
1	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai	76.786.920	63,99%
2	Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	22.781.200	18,98%
3	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	14.475.399	2,06%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong công tác quản lý và vận hành, việc đánh giá các chỉ tiêu môi trường luôn được ưu tiên hàng đầu ngay từ những bước đầu tiên. Đơn vị luôn chủ động kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường kỹ lưỡng trong suốt giai đoạn lựa chọn địa điểm, xây dựng và phát triển dự án.

Để hiện thực hóa các cam kết về môi trường, công tác kiểm tra và bảo trì hệ thống được thực hiện một cách nghiêm ngặt:

- Kiểm soát thất thoát: Tăng cường kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước. Việc này giúp kịp thời phát hiện và khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng, từ đó hạn chế tối đa tình trạng thất thoát nguồn nước – một nguồn tài nguyên quý giá.

- Duy trì hiệu suất: Hoạt động duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc được thực hiện định kỳ. Điều này không chỉ giúp nâng cao tuổi thọ hoạt động của thiết bị mà còn đảm bảo máy móc luôn vận hành trong trạng thái hiệu quả nhất, giảm thiểu tiêu hao năng lượng và khí thải ra môi trường.

Cuối cùng, việc không ngừng nghiên cứu và áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất là chìa khóa để vận hành nhà máy một cách tối ưu nhất. Sự kết hợp giữa con người kỷ luật và công nghệ hiện đại giúp đảm bảo các chỉ tiêu môi trường luôn đạt chuẩn.

Tổng phát khí thải nhà kính (GHG):

- **Trực tiếp: 37 tấn Co₂**
- **Gián tiếp: 44.277 tấn Co₂**

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Để tối ưu hóa chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế, Công ty đặc biệt chú trọng vào việc quản lý điện năng tiêu thụ – nguồn năng lượng chính phục vụ vận hành hệ thống xử lý nước, máy bơm và chiếu sáng tại khu vực nhà máy, văn phòng.

Mục tiêu trọng tâm của Công ty là tiết kiệm năng lượng xuyên suốt quá trình sản xuất nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Nhằm cụ thể hóa mục tiêu này, Công ty thường xuyên triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng, giúp nhân viên sử dụng điện một cách an toàn, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất.

» Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

STT	Năng lượng	Đơn vị	Lượng sử dụng
1	Điện lưới	kWh	65.441.152
2	Dầu Diesel	lít	13.985,92

» Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

» Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không



TIÊU THỤ NƯỚC

Để thích ứng với các điều kiện thời tiết bất lợi, Công ty liên tục đầu tư vào nghiên cứu và triển khai các công nghệ tiên tiến nhằm tinh gọn quy trình khai thác, xử lý. Song song đó, chúng tôi thiết lập hệ thống dự trữ nước khoa học, đảm bảo duy trì nguồn cung ổn định trong mọi tình huống.

Đặc biệt, việc quản trị nghiêm ngặt nguồn nguyên liệu đầu vào được xem là ưu tiên hàng đầu. Giải pháp này không chỉ tối ưu hóa chi phí và hiệu quả vận hành mà còn minh chứng cho cam kết bảo vệ hệ sinh thái địa phương. Thông qua việc giám sát liên tục lưu lượng và chất lượng nước, Dowaco chủ động phối hợp cùng các cơ quan quản lý để thực hiện các biện pháp bảo tồn, hướng tới sự phát triển bền vững của nguồn tài nguyên nước.

STT	Năng lượng	Đơn vị	Lượng sử dụng
1	Nước thủy cục	m ³ /năm	36.591
Tổng cộng			36.591

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tại Dowaco, chất lượng mỗi giọt nước đến tay người dân đều được bảo chứng bởi quy trình kiểm soát nguyên liệu chặt chẽ. Dowaco không chỉ sử dụng phương pháp khử trùng hiện đại theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế mà còn chú trọng duy trì hàm lượng Clo dư an toàn để bảo vệ nước khỏi vi khuẩn ngay cả khi đang lưu thông trong đường ống.

Hiểu rõ tầm quan trọng của nước sạch đối với sinh hoạt và sản xuất công nghiệp, Dowaco nói không với các nguồn cung kém chất lượng. Mọi hóa chất sử dụng đều được bảo quản đúng quy trình, hướng tới mục tiêu cao nhất là sự an tâm về sức khỏe và một môi trường sống bền vững cho cộng đồng.

» Tiêu chuẩn chất lượng: Tuân thủ tuyệt đối quy chuẩn quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT.

» Công nghệ xử lý: Khử trùng bằng Clo; đảm bảo Clo dư để chống tái nhiễm vi sinh trên mạng lưới cấp nước.

» Quản trị rủi ro: Kiểm soát chặt chẽ liều lượng và quy trình bảo quản hóa chất, ngăn chặn tình trạng biến tính nguyên liệu.

» Đối tác cung ứng: Ưu tiên lựa chọn những đơn vị uy tín nhằm loại bỏ hàng kém chất lượng, bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng.

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Lượng sử dụng
1	PAC	kg	2.333.416
2	Clor	kg	197.988
3	Vôi cục	kg	5.742
4	Vôi nghiền	kg	1.155
5	Phèn	kg	187.478
6	Javel 5%	kg	4.704
7	Javel 10%	kg	22.275
8	Xút (NaOH 32%)	kg	175
9	Xút, PAC khô	kg	1.000
Tổng cộng			2.753.933



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm, Công ty đã ghi nhận 01 trường hợp vi phạm hành chính liên quan đến việc chưa tuân thủ đầy đủ các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường. Cụ thể, vi phạm này được căn cứ theo văn bản số 1031/QĐ-XPHC ban hành ngày 10/10/2025 bởi Sở Nông nghiệp và Môi trường. Tổng số tiền xử phạt mà Công ty đã thực hiện chi trả cho vi phạm nêu trên là 347.500.000 đồng.

Nhìn nhận để rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, Ban lãnh đạo Công ty đã ngay lập tức thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và triển khai rà soát toàn diện quy trình xử lý nội bộ. Dowaco xem đây là cơ hội để thắt chặt kỷ cương, nâng cao ý thức trách nhiệm của từng cá nhân, đồng thời cam kết đầu tư nguồn lực mạnh mẽ hơn nữa để đảm bảo mọi hoạt động sản xuất luôn song hành cùng sự an toàn của môi trường và cộng đồng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Trong thời gian qua, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã đẩy mạnh lộ trình phát triển thị trường vốn xanh, đặc biệt là việc khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng bộ tiêu chuẩn ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị doanh nghiệp). Đây được xem là cơ chế trọng yếu giúp tăng cường khả năng thu hút vốn đầu tư vào các dự án bền vững, tạo động lực để doanh nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh theo các chuẩn mực quốc tế. Việc triển khai hệ thống quản trị và giám sát dữ liệu định lượng sẽ giúp doanh nghiệp chuẩn hóa công tác lập báo cáo ESG, từ đó nhận diện chính xác các cơ hội cũng như thách thức trong chiến lược tăng trưởng xanh.

Nhận thức rõ xu thế tất yếu này, Dowaco luôn chủ động cập nhật các khung pháp lý và chính sách mới từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty đã tiến hành rà soát, điều chỉnh hệ thống quản trị nội bộ để đảm bảo sự tương thích tối đa với các quy định hiện hành. Định hướng chiến lược của Dowaco là xây dựng lộ trình tài chính dài hạn gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững toàn diện, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị của Công ty trên thị trường vốn.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Con người là tài sản quý giá nhất, vì vậy Công ty luôn chú trọng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên (CB-CNV) thông qua các kỳ nghỉ dưỡng hàng năm và chính sách hỗ trợ kịp thời cho các trường hợp khó khăn, tai nạn.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo chi trả lương đúng hạn, đóng đầy đủ các loại bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) và xây dựng hệ thống thu nhập ổn định, phù hợp với năng lực từng cá nhân.

- Chiến lược tuyển dụng: Để đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh, Công ty ưu tiên thu hút nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt là đội ngũ quản lý tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành, có tư duy sáng tạo và chủ động.

- Tiêu chuẩn khắt khe: Đối với các vị trí điều hành chủ chốt, Công ty áp dụng quy trình tuyển dụng gắt gao về kinh nghiệm, khả năng phân tích và kỹ năng ngoại ngữ, tin học nhằm xây dựng bộ máy vận hành tinh nhuệ.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hướng tới mục tiêu phục vụ người dân, Công ty cam kết đảm bảo chất lượng nước sạch đạt chuẩn và không ngừng tìm hiểu nhu cầu thực tế của địa phương để mở rộng khả năng tiếp cận cho người dân. Song song đó, chúng tôi tăng cường giáo dục ý thức kỷ luật và thái độ phục vụ cho người lao động, đồng thời tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng đã triển khai hiệu quả trong những năm qua.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

03

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH/ DỰ TÍNH VÀ CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC ĐÂY

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đan xen những khó khăn và thuận lợi. Diễn biến phức tạp của tình hình địa chính trị tại nhiều khu vực, cùng xu hướng gia tăng các chính sách bảo hộ thương mại tại một số quốc gia đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại, đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu, qua đó tác động đến nền kinh tế nước ta nói chung và tại tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Cùng với khả năng ứng phó trước những biến động, đồng thời với những điều chỉnh kịp thời và thực hiện các biện pháp cải tiến công tác quản trị, sự thống nhất tư tưởng trong Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên. Nhìn chung trong năm 2025, Công ty cơ bản bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, sản lượng nước cung cấp ổn định, an toàn cho nhu cầu sinh hoạt của người dân và hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Công tác đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tiếp tục được quan tâm, ổn định tư tưởng chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, an toàn nguồn nước. Các tổ chức, đoàn thể hoạt động đúng theo định hướng và Điều lệ.

Tuy nhiên, có một số yếu tố tác động lớn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Doanh thu tiền nước bị ảnh hưởng do di dời các doanh nghiệp khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1; Doanh thu hoạt động xây lắp và chi phí sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng do Công ty điều chỉnh chính sách đầu tư và đấu nối cho khách hàng từ ngày 15/4/2025 theo quy định mới; Tỷ lệ thất thoát còn cao do nhiều dự án trọng điểm của tỉnh và dự án cải tạo hạ tầng tại các xã đồng thời triển khai thi công trong năm 2025 đã tác động đến hệ thống đường ống cấp nước, gây hư hỏng làm tăng tỷ lệ thất thoát, bên cạnh đó việc tiếp nhận hệ thống cấp nước cũ, xuống cấp, thường xuyên rò rỉ của các HTX bàn giao cũng là một trong những nguyên nhân tăng tỷ lệ thất thoát.



Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % so KH	%Tăng/giảm
1	Sản lượng sản xuất	m3	145.863.000	142.205.850	142.910.354	98,0	100,5
2	Sản lượng ghi thu	m3	124.000.000	119.276.548	120.102.044	96,9	100,7
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15	16,1	16,0	1,0	-0,1
4	Doanh thu	tr.đ	1.190.000	1.159.443	1.174.228	98,7	101,3
a	Sản xuất nước máy	tr.đ	1.130.000	1.091.236	1.091.578	96,6	100,0
b	Lắp đặt HTN	tr.đ	24.900	24.817	28.426	114,2	114,5
c	Doriv	tr.đ	4.100	3.427	4.155	101,3	121,2
d	Hoạt động tài chính (không bao gồm Lãi/lỗ CLTG)	tr.đ	25.000	33.395	43.429	173,7	130,0
e	Doanh thu khác	tr.đ	6.000	6.568	6.642	110,7	101,1
5	Chi phí	tr.đ	890.000	842.588	852.473	95,8	101,2
a	Giá vốn	tr.đ	721.500	677.547	694.247	96,2	102,5
b	Chi phí tài chính (không bao gồm Lãi/lỗ CLTG)	tr.đ	40.000	35.923	30.418	76	84,7
c	Chi phí quản lý	tr.đ	56.000	63.215	60.220	107,5	95,3
d	Chi phí bán hàng	tr.đ	68.000	61.189	64.709	95,2	105,8
e	Chi phí khác	tr.đ	4.500	4.714	2.879	64	61,1
6	Tổng Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	300.000	364.498	300.409		
-	Lợi nhuận trước thuế (không bao gồm Lãi/lỗ CLTG)	tr.đ	300.000	316.856	321.755	107,3	101,5
-	Lãi/Lỗ CLTG	tr.đ	-	47.642	-21.346		
7	Tổng Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	270.000	327.959	271.137		
-	Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm Lãi/lỗ CLTG)	tr.đ	270.000	285.081	290.349	107,5	101,8
-	Lãi/Lỗ CLTG	tr.đ	-	42.878	-19.212		
8	Phát sinh phải nộp NS	tr.đ	120.000	123.074	127.316	106,1	103,4
9	Đầu tư XD CB	tr.đ	471.000	246.396	202.738	43,0	82,3
10	SL Khách hàng tăng	KH	20.863	14.231	18.984	91,0	133,4
11	Tổng số lao động	người	926	879	878	94,8	99,9
12	Tổng quỹ lương	tr.đ	192.060	207.176	207.374	108,0	100,1
13	Thu nhập bình quân	tr.đ	16,7	18,8	18,2	109,0	96,8



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH/ DỰ TÍNH VÀ CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC ĐÂY

Để đạt được các chỉ tiêu trọng yếu trong năm 2025, Ban điều hành Công ty đã tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi, đồng thời linh hoạt triển khai các giải pháp nhằm kiểm soát những khó khăn phát sinh từ thực tế vận hành:

THUẬN LỢI

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ UBND Tỉnh cùng sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan, Ban, Ngành từ Trung ương đến địa phương. Đây là tiền đề quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi và tác động tích cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Với đà tăng trưởng kinh tế - xã hội tích cực của tỉnh và việc triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm, nhu cầu sử dụng nước tại các khu vực cung cấp của Công ty không ngừng gia tăng. Đây là cơ hội thuận lợi để Công ty xây dựng định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nước, mở rộng mạng lưới và gia tăng tệp khách hàng bền vững.
- Sự đoàn kết, thống nhất trong công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, cùng sự nỗ lực bền bỉ của toàn thể cán bộ nhân viên và người lao động chính là sức mạnh nội sinh giúp Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra.

KHÓ KHĂN

- Giá bán nước sạch vẫn áp dụng theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai. Công ty và các Công ty con đã xây dựng phương án giá nước mới phù hợp quy định và cơ chế hiện hành trình các Sở ban ngành của tỉnh Đồng Nai nhưng đến nay chưa được phê duyệt. Gia hạn giấy phép khai thác nước ngầm bị hạn chế, làm giảm công suất cung cấp một số giếng.
- Tỷ lệ thất thoát còn cao do thường xuyên xảy ra bể ống khi thi công dự án Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu và một số dự án cải tạo hạ tầng tại các xã trên địa bàn tỉnh; khu vực tuyến ống do các HTX bàn giao lại Công ty chủ yếu là ống cũ, lâu năm, rò rỉ nhiều,...
- Sản lượng nước sản xuất và doanh thu tiền nước bị ảnh hưởng do di dời các doanh nghiệp để giải phóng mặt bằng chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1, do việc sắp xếp/sáp nhập các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Nhu cầu sử dụng nước tại một số khu vực đã bão hòa; một số địa bàn các xã đã có HTCN tập trung khác nên ảnh hưởng đến công tác phát triển khách hàng.
- Thực hiện các dự án đầu tư hệ thống cấp nước còn gặp khó khăn, vướng mắc liên quan thủ tục pháp lý về đất đai, quy hoạch, xin thỏa thuận/cấp phép thi công dẫn đến nhiều dự án chậm triển khai.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) đã đạt được 5 bước tiến nổi bật:

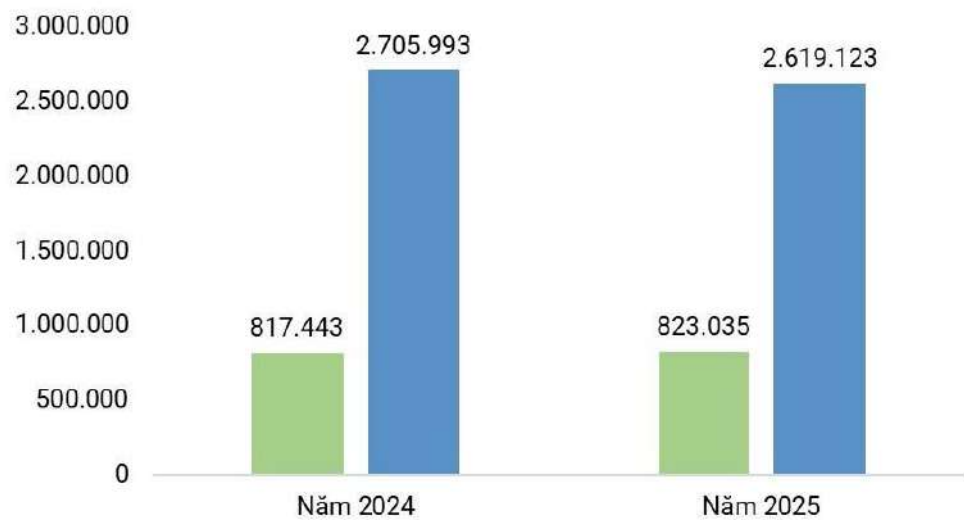
- Tối ưu hóa hiệu suất và giảm thất thoát nước: Công ty đã thực hiện tốt mục tiêu cấp nước an toàn, liên tục. Nhờ các giải pháp kỹ thuật quyết liệt, tỷ lệ thất thoát nước bình quân đã giảm thêm 0,1% so với năm 2024, duy trì ở mức 16%. Đây là nỗ lực rất lớn của Ban điều hành trong bối cảnh các dự án giao thông trọng điểm triển khai đồng loạt gây áp lực lớn lên hệ thống đường ống hiện hữu.
- Đảm bảo tiến độ các dự án hạ tầng trọng điểm: Một trong những dấu ấn quan trọng nhất là việc thi công và đấu nối thành công tuyến ống dài 5,6km vào tháng 12/2025, sẵn sàng cung cấp nước cho Sân bay quốc tế Long Thành. Song song đó, Công ty đã hoàn thành công tác quyết toán dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2, củng cố năng lực cấp nước cho toàn vùng.
- Đổi mới quản trị và đẩy mạnh chuyển đổi số: Ban Giám đốc đã thực hiện tinh gọn bộ máy vận hành thông qua việc sáp nhập các chi nhánh (như Nhơn Trạch vào Thiện Tân, Vĩnh An vào Long Bình) nhằm tối ưu hóa nguồn lực. Đồng thời, quy trình dịch vụ khách hàng đã được số hóa triệt để từ khâu nhận đơn online, triển khai hợp đồng điện tử đến việc số hóa quy trình khảo sát - thi công qua ứng dụng di động.
- Kiến toàn tính pháp lý và tài nguyên khai thác: Công ty đã chủ động thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp mới, điều chỉnh công suất cũng như gia hạn hàng loạt giấy phép môi trường và giấy phép khai thác nước mặt tại các nhà máy trọng yếu như Vĩnh An, Long Bình, Sông Ray và Bàu Hàm. Việc này đảm bảo tính pháp lý bền vững cho hoạt động khai thác và cung cấp nước sạch dài hạn.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	TH 2025/ TH 2024	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Tài sản ngắn hạn	817.443	823.035	100,68%	23,20%	23,91%
Tài sản dài hạn	2.705.993	2.619.123	96,79%	76,80%	76,09%
Tổng tài sản	3.523.436	3.442.158	97,69%	100,00%	100,00%



Năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 3.442.158 triệu đồng, giảm nhẹ 2,31% so với mức 3.523.436 triệu đồng của năm 2024. Trong đó, tài sản ngắn hạn ghi nhận 823.035 triệu đồng, tăng 0,68% so với năm trước, nâng tỷ trọng từ 23,20% lên 23,91% tổng tài sản. Cơ cấu tài sản ngắn hạn tiếp tục duy trì tính thanh khoản cao, với tiền và tương đương tiền tăng mạnh lên 86.436 triệu đồng, trong khi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 617.000 triệu đồng. Ở chiều ngược lại, tài sản dài hạn giảm 3,21%, còn 2.619.123 triệu đồng, chủ yếu do giá trị còn lại của tài sản cố định giảm theo tiến độ khấu hao, đạt 2.379.867 triệu đồng tại thời điểm cuối năm. Tỷ trọng tài sản dài hạn theo đó giảm từ 76,80% xuống 76,09%, phản ánh xu hướng tái cơ cấu tài sản theo hướng gia tăng linh hoạt nguồn vốn lưu động trong khi vẫn duy trì nền tảng tài sản hạ tầng ổn định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi. Nhìn chung, quy mô tài sản của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, biến động ở mức hợp lý, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững và định hướng tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn trong giai đoạn hiện nay.



Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.012.078	348.551	34,44%
Máy móc, thiết bị	1.234.480	187.287	15,17%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.423.085	1.554.289	45,41%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	53.646	1.359	2,53%
Tài sản cố định hữu hình khác	8.331	690	8,29%
Cộng	5.731.621	2.092.177	36,50%

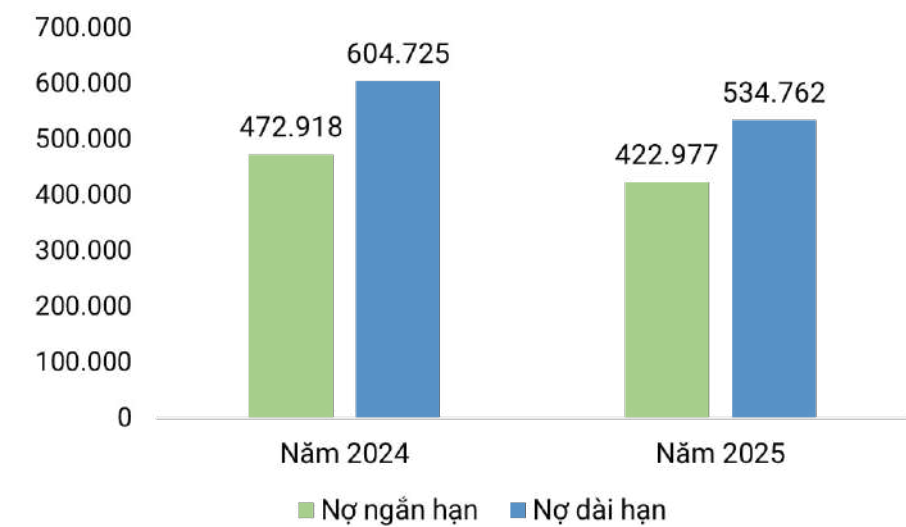
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	369.709	286.599	77,52%
Quy hoạch bản đồ	2.815	801	28,45%
Phần mềm máy vi tính	3.098	290	9,36%
Cộng	375.622	287.690	76,59%

Tính đến 31/12/2025, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đạt 5.731.621 triệu đồng, với giá trị còn lại 2.092.177 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ giá trị còn lại trên nguyên giá là 36,50%, do mức độ khấu hao lũy kế tương đối lớn sau nhiều năm đầu tư. Trong cơ cấu này, phương tiện vận tải, truyền dẫn (chủ yếu là hệ thống đường ống, mạng lưới cấp nước) chiếm tỷ trọng lớn nhất và vẫn duy trì tỷ lệ giá trị còn lại 45,41%, cho thấy hệ thống hạ tầng cốt lõi vẫn đang trong giai đoạn khai thác hiệu quả. Nhà cửa, vật kiến trúc đạt tỷ lệ 34,44%, trong khi máy móc, thiết bị chỉ còn 15,17% và thiết bị, dụng cụ quản lý 2,53%, vì một số nhóm tài sản đã gần hết chu kỳ khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình, tỷ lệ giá trị còn lại đạt 76,59%, trong đó quyền sử dụng đất chiếm chủ yếu với mức 77,52%, cho thấy nền tảng pháp lý và ổn định lâu dài cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhìn chung, hiệu quả sử dụng tài sản được duy trì ở mức hợp lý, thể hiện qua việc doanh thu và vòng quay tổng tài sản được cải thiện, dù chi phí khấu hao vẫn là yếu tố ảnh hưởng đáng kể.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	TH 2025/ TH 2024	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Nợ ngắn hạn	472.918	422.977	89,44%	43,88%	44,16%
Nợ dài hạn	604.725	534.762	88,43%	56,12%	55,84%
Tổng nợ phải trả	1.077.643	957.739	88,87%	100,00%	100,00%



Năm 2025, tổng nợ phải trả của Công ty ghi nhận 957.739 triệu đồng, giảm 11,13% so với mức 1.077.643 triệu đồng năm 2024, tương ứng bằng 88,87% cùng kỳ. Trong đó, nợ ngắn hạn đạt 422.977 triệu đồng (giảm 10,56%), chiếm 44,16% tổng nợ; nợ dài hạn đạt 534.762 triệu đồng (giảm 11,57%), chiếm 55,84% tổng nợ. Cơ cấu nợ tiếp tục duy trì theo hướng cân đối giữa ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty, vốn có chu kỳ đầu tư dài , đồng thời phản ánh định hướng chủ động giảm đòn bẩy tài chính và nâng cao mức độ an toàn vốn. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không phát sinh các khoản nợ vay quá hạn; các nghĩa vụ với tổ chức tín dụng và nhà cung cấp được thực hiện đúng cam kết, qua đó góp phần duy trì uy tín tín dụng và ổn định chi phí vốn. Bên cạnh đó, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất có xu hướng ổn định hơn so với giai đoạn trước, chi phí lãi vay được kiểm soát phù hợp với quy mô dư nợ giảm, góp phần hạn chế tác động tiêu cực đến lợi nhuận. Nhìn chung, việc thu hẹp quy mô nợ phải trả song song với duy trì cơ cấu hợp lý đã củng cố nền tảng tài chính an toàn, tạo dư địa cho Công ty linh hoạt triển khai các dự án đầu tư và kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Kiện toàn bộ máy lãnh đạo và chuyển giao nhiệm kỳ

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong công tác tổ chức của Dowaco với việc thực hiện thành công chuyển giao nhiệm kỳ và kiện toàn bộ máy nhân sự cấp cao. Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2025-2030 đã được bầu chọn với 07 thành viên, đồng thời hoàn tất bổ nhiệm các chức danh trong Ban điều hành và phân công nhiệm vụ cụ thể. Những thay đổi trọng yếu về nhân sự cũng được thực hiện nhịp nhàng, bao gồm việc bổ nhiệm ông Lê Thành Trung giữ chức Phó Giám đốc và bà Nguyễn Bách Thảo làm Phụ trách kế toán thay cho bà Nguyễn Thu Oanh nghỉ hưu. Sự sắp xếp này đảm bảo tính kế thừa, ổn định và sẵn sàng cho những mục tiêu bứt phá trong giai đoạn mới.

Chiến lược tinh gọn bộ máy và tối ưu hóa vận hành

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, Dowaco đã thực hiện chủ trương tái cấu trúc mạnh mẽ thông qua việc sáp nhập và tinh gọn các đơn vị thành viên. Trong Quý 4/2025, Công ty đã thành lập Văn phòng HĐQT để chuyên nghiệp hóa công tác quản trị, đồng thời sáp nhập Chi nhánh Cấp nước (CNCN) Nhơn Trạch vào CNCN Thiện Tân, và CNCN Vĩnh An vào CNCN Long Bình. Đi kèm với việc sáp nhập là công tác điều động, thay đổi vị trí Giám đốc tại các chi nhánh trọng điểm như Thiện Tân, Long Bình, Ghi thu, Quản lý chất lượng nước và Thanh Phú. Lộ trình này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực mà còn tạo ra bộ máy vận hành linh hoạt, sẵn sàng áp dụng chính thức từ đầu năm 2026.

Quy hoạch nhân sự và phát triển đội ngũ kế thừa

Công tác quản trị nhân sự tại Dowaco trong năm 2025 được đẩy mạnh với tầm nhìn dài hạn thông qua việc ban hành các quy định về quy hoạch và luân chuyển cán bộ. Công ty đã phê duyệt danh sách quy hoạch lãnh đạo giai đoạn 2025-2030, tạo điều kiện cho các cán bộ tiềm năng được rèn luyện qua nhiều vị trí thách thức khác nhau. Việc minh bạch hóa lộ trình phát triển và luân chuyển không chỉ giúp làm mới tư duy quản lý tại các đơn vị mà còn là đòn bẩy để xây dựng đội ngũ kế thừa tận tâm, có đủ năng lực dẫn dắt Công ty trong tương lai.

Quản trị doanh nghiệp và thực thi trách nhiệm với cổ đông

Trong hoạt động quản lý vốn và quản trị doanh nghiệp, Dowaco tiếp tục khẳng định tính minh bạch và hiệu quả thông qua việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 đầy đủ, đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư. Song song đó, công tác công bố thông tin và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2026 đã được hoàn tất đúng quy định, củng cố niềm tin của cổ đông vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN: không có

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

STT	Nội dung	ĐVT	KH năm 2026
1	Doanh thu	Đồng	1.182.600.000.000
	- Doanh thu nước	Đồng	1.125.760.000.000
	- Doanh thu xây lắp	Đồng	20.000.000.000
	- Doanh thu HĐTC	Đồng	26.740.000.000
	- Doanh thu Doriv + khác	Đồng	10.100.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	310.700.000.000
	- Lợi nhuận trước thuế (loại trừ CLTG)	Đồng	310.700.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	279.630.000.000
	- Lợi nhuận sau thuế (loại trừ CLTG)	Đồng	279.630.000.000
4	Các khoản nộp Ngân sách	Đồng	120.000.000.000
5	Xây dựng cơ bản	Đồng	428.000.000.000

Tiếp tục tăng cường đẩy mạnh các giải pháp trong quản lý điều hành; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm như công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng cường công tác chuyển đổi số, xây dựng kế hoạch tổng thể về chuyển đổi số cho toàn Công ty về hoạt động quản lý, chuyển đổi số trong sản xuất; công tác phát triển khách hàng; chú trọng công tác giảm thất thoát, xử lý nhanh các sự cố trên tuyến ống, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Tăng cường công tác quốc phòng an ninh, phòng chống cháy nổ, bảo vệ an ninh nguồn nước, cấp nước an toàn. Thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng nước nguồn để có biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo chất lượng nước sạch bơm ra mạng. Tiếp tục thực hiện công tác môi trường theo quy định; thực hiện tiết kiệm chi phí vật tư, hóa chất trong công tác sản xuất.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển và mở rộng nguồn nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, liên tục, đáp ứng kịp thời nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ của người dân, đặc biệt tại các khu đô thị, khu công nghiệp và vùng đang phát triển. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện các thủ tục liên quan để đề xuất cập nhật quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng phù hợp làm cơ sở lập hồ sơ xin chủ trương thực hiện các dự án có sử dụng đất. Đôn đốc và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch năm 2026, sớm đưa các dự án vào khai thác sử dụng góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới tuyến ống, van trên GIS; dò tìm ống bể, lắp các dataloger theo dõi áp lực mạng lưới tuyến ống để điều tiết áp lực; Đẩy mạnh phân vùng tách mạng, cải tạo tuyến ống và ứng dụng công nghệ trong vận hành nhằm giảm tỉ lệ thất thoát; Rà soát ống STK để cải tạo và cập nhật khách hàng; thực hiện thi công, sửa chữa, kiểm tra, kiểm định các đồng hồ điện từ...

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy tại Công ty. Chú trọng tăng cường công tác đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng cho cán bộ quản lý Công ty nhất là cán bộ trẻ, đội ngũ cán bộ kế cận, quy hoạch; tập trung đào tạo nguồn cán bộ tại chỗ đáp ứng yêu cầu của Công ty.

Tiếp tục phối hợp, làm việc với các Sở ngành để được phê duyệt phương án giá sạch của Công ty.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG



Hoàn thành phê duyệt và cấp phép mới:

Trong công tác quản lý tài nguyên, Dowaco đã đạt được những bước tiến quan trọng khi hoàn tất phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được cấp giấy phép khai thác nước mặt cho Nhà máy nước (NMN) Vĩnh An với công suất 10.000 m³/ngày.đêm. Đặc biệt, công tác nâng công suất tại NMN Long Bình từ 30.000 m³ lên 36.000 m³/ngày.đêm đã về đích đúng hạn với Giấy phép môi trường và Giấy phép khai thác được cấp vào quý III/2025. Đây là tiền đề quan trọng giúp Công ty chủ động nguồn nước sạch để cung ứng cho thị trường trong các giai đoạn cao điểm.



Gia hạn và duy trì giấy phép khai thác:

Đối với các trạm cấp nước quy mô vừa và nhỏ, Dowaco đã thực hiện quyết liệt công tác hậu kiểm và gia hạn giấy phép khai thác để đảm bảo tính liên tục của hoạt động sản xuất. Cụ thể, Công ty đã hoàn tất thủ tục cho các khu vực Sông Ray (150m³), Trạm Bàu Hàm (500 m³) và Trạm Tân Phú (2.700 m³). Đồng thời, Dowaco cũng phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp để đảm bảo quyền khai thác hợp pháp tại NMN Định Quán với lưu lượng 5.900m³/ngày.đêm, giúp ổn định mạng lưới cấp nước khu vực nông thôn.



Công tác quản lý đất đai và môi trường tại NMN Biên Hòa:

Tại NMN Biên Hòa, Dowaco đang tích cực triển khai các thủ tục thuê đất mặt nước sau khi nhận được sự thống nhất từ UBND tỉnh Đồng Nai. Hiện tại, Công ty đang phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai để hoàn thiện bản đồ địa chính và kê khai hồ sơ trực tuyến. Song song với pháp lý đất đai, Dowaco chú trọng đầu tư hạ tầng môi trường với việc hoàn thành hồ thu nước rửa lọc và lắp đặt bồn chứa tuần hoàn nước xả bể lắng, giúp tái sử dụng nguồn nước trong sản xuất. Dự án xây dựng Trạm xử lý bùn tại đây cũng đang được Ban Quản lý Dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện.



Điều chỉnh nghĩa vụ tài chính và hợp đồng:

Về nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, Dowaco đã thực hiện điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tại các nhà máy chủ lực như Thiện Tân, Nhơn Trạch, Thanh Phú và Biên Hòa để phù hợp với mục đích sử dụng mới từ ngày 01/07/2025. Bên cạnh đó, đối với nguồn nước thô tại Hồ Núi Le với công suất 15.000 m³/ngày, Công ty đang ở tư thế sẵn sàng để ký kết điều chỉnh hợp đồng ngay sau khi đơn vị quản lý thủy lợi hoàn tất công tác kiểm định an toàn đập, nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước đầu vào một cách bền vững.



Kế hoạch triển khai sắp tới:

Hướng tới mục tiêu phát triển dài hạn, Dowaco đang tích cực chuẩn bị hồ sơ pháp lý cho các nhà máy mới và dự án mở rộng công suất. Hiện nay, Công ty đang tiến hành lập hồ sơ xin cấp phép khai thác cho NMN Tâm Hưng Hòa (10.000 m³/ngày.đêm) và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chỉ định thầu để triển khai hồ sơ cho NMN Gia Ray với công suất 11.671 m³/ngày.đêm. Những nỗ lực này cho thấy sự chuẩn bị chu đáo của Dowaco trong việc đảm bảo hành lang pháp lý trước khi đưa các công trình vào vận hành khai thác thực tế.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG



Năm 2025, Công ty tiếp tục kiên trì với sứ mệnh đóng góp cho cộng đồng thông qua hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ bền vững. Tại mỗi địa bàn triển khai dự án, Dowaco không chỉ xây dựng công trình mà còn chú trọng kiến tạo các giá trị xã hội tích cực.

Trong công tác tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực, Công ty đặt ưu tiên hàng đầu cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành. Dowaco cung cấp cơ hội việc và thiết lập các lộ trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn bài bản, giúp người lao động nâng cao tay nghề và tư duy làm việc hiện đại. Việc bố trí công việc được thực hiện dựa trên sự thấu hiểu đặc điểm văn hóa và năng lực vùng miền, từ đó tạo ra sự gắn kết bền chặt giữa đội ngũ nhân sự và mục tiêu chung của dự án.

Xác định con người là tài sản quý giá nhất, Công ty tập trung xây dựng một môi trường làm việc an toàn, cởi mở và giàu tính sáng tạo. Năm 2025, môi trường làm việc tại Dowaco không chỉ là nơi thực hiện nhiệm vụ, mà còn là không gian để mỗi cá nhân tự do phát triển tiềm năng, đóng góp sáng kiến và cùng nhau chinh phục những cột mốc mới.

Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng hệ thống lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh, đảm bảo tương xứng với đóng góp của người lao động và tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp. Bên cạnh các quyền lợi về vật chất, chúng tôi đặt ưu tiên cao vào công tác chăm sóc sức khỏe thể chất và đời sống tinh thần cho đội ngũ.

Các chương trình bảo hiểm toàn diện, hoạt động nghỉ dưỡng và hỗ trợ đời sống được triển khai thường xuyên, giúp người lao động an tâm công tác và tận hưởng thành quả phát triển cùng Công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Tiếp nối truyền thống nhân văn, Công ty tiếp tục là đơn vị tiên phong trong các phong trào ủng hộ người nghèo và các hoạt động từ thiện tự nguyện.

Dowaco duy trì các quỹ cứu trợ khẩn cấp để kịp thời sát cánh cùng đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt và thiên tai, giúp người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống. Các chương trình này không chỉ thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp mà còn lan tỏa giá trị yêu thương đến toàn thể đội ngũ nhân viên thông qua các hoạt động quyên góp nội bộ.

Công ty cam kết đóng góp tích cực vào các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ thông qua việc hiện thực hóa các chương trình xóa đói giảm nghèo và phát triển nông thôn. Năm 2026, Công ty hướng tới việc trở thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới an sinh quốc gia, góp phần xây dựng một cộng đồng địa phương thịnh vượng.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



* Về đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và tập trung nỗ lực thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 nhìn chung đạt và vượt kế hoạch đề ra: về doanh thu, lợi nhuận trước thuế loại trừ chênh lệch tỷ giá, nộp ngân sách Nhà nước; đối với các chỉ tiêu về sản lượng nước sản xuất, ghi thu chưa đạt so với kế hoạch, về đầu tư xây dựng cơ bản Ban điều hành cũng đã nỗ lực chủ động trong việc triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, tuy kết quả chưa đạt nhưng đã Tăng hơn so với cùng kỳ. Nổi bật là chỉ tiêu về công tác phòng chống thất thoát nước được tập trung triển khai và bước đầu đạt được kết quả nhất định, tỷ lệ thất thoát giảm nên mặc dù sản lượng chưa đạt theo kế hoạch nhưng chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận vẫn đạt theo kế hoạch.

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

» Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, ĐHĐCĐ đã bầu ra HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 07 thành viên. HĐQT Công ty đã bầu ra chức danh Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với chức danh trong Ban điều hành nhiệm kỳ 2025-2030. Ngày 26/3/2025, HĐQT đã bổ nhiệm Ông Lê Thành Trung giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/4/2025.

» Trong phạm vi thẩm quyền, HĐQT đã ban hành Quy định công tác Quy hoạch cán bộ và phê duyệt Kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ, quản lý năm 2025 của Công ty; phê duyệt danh sách nhân sự bổ sung quy hoạch cán bộ Lãnh đạo Công ty giai đoạn 2025-2030.

» Trong năm, HĐQT đã thông qua chủ trương về việc điều động, bổ nhiệm, giới thiệu nhân sự bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty, theo đó Giám đốc Công ty đã ban hành các Quyết định liên quan đến công tác cán bộ theo đúng thẩm quyền, quy định.

» HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiện toàn Nhóm đại diện phần vốn của Công ty tại Giwaco, theo đó HĐQT đã thôi cử Ông Vũ Anh Tuấn làm người đại diện phần vốn của Công ty tại Giwaco kể từ ngày 09/9/2025.

» Chủ tịch đã ký ban hành Quyết định về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với Bà Nguyễn Thu Oanh - Kế toán trưởng Công ty, đồng thời HĐQT đã ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Bách Thảo giữ chức vụ Phụ trách kế toán Công ty (thay Bà Nguyễn Thu Oanh), thời hạn bổ nhiệm là 06 tháng kể từ ngày 01/10/2025.

» Trong Quý 4/2025, thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty liên quan đến chủ trương sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy và chủ trương về công tác cán bộ, theo đó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty đã ban hành các Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 theo thẩm quyền:

+ Chủ tịch HĐQT đã ban hành các Quyết định liên quan đến việc thành lập Văn phòng HĐQT; sáp nhập CNCN Nhơn Trạch vào CNCN Thiện Tân đồng thời chấm dứt hoạt động của CNCN Nhơn Trạch; sáp nhập CNCN Vĩnh An vào CNCN Long Bình đồng thời chấm dứt hoạt động của CNCN Vĩnh An; bổ nhiệm Bà Nguyễn Thu Trang - Phó phòng/Phụ trách Phòng Kinh doanh giữ chức vụ Chánh Văn phòng HĐQT, Ông Nguyễn Đức Định - Phó phòng QTTH giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng HĐQT.

+ Giám đốc cũng đã ban hành các Quyết định

thôi giữ chức vụ Giám đốc CNCN Thiện Tân đối với Ông Nguyễn Văn Nguyên; bổ nhiệm Ông Đặng Văn Chất - Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc CNCN Thiện Tân và Ông Lê Đức Thuận giữ chức vụ Giám đốc CNCN Long Bình (sau sáp nhập); điều động và bổ nhiệm Ông Nguyễn Cao Cường - Giám đốc CNQL Ghi thu giữ chức vụ Trưởng phòng QLCL nước, điều động và bổ nhiệm Ông Vũ Anh Tuấn - Giám đốc CNCN Thạnh Phú giữ chức vụ Giám đốc CNQL Ghi thu; giao Ông Lê Thành Trung - Phó Giám đốc Công ty phụ trách Phòng Kinh doanh, giao Ông Trần Văn Thanh - Phó Giám đốc CNCN Thạnh Phú phụ trách CNCN Thạnh Phú, đồng thời rà soát bổ nhiệm đối với các chức danh cán bộ quản lý tại các đơn vị sau sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo quy định và tạo sự đồng thuận cao.

- Một số công tác khác:

» Giao kế hoạch 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết.

» Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty và các Công ty thành viên đảm bảo theo đúng kế hoạch.

» Thực hiện các nội dung liên quan đến công tác bàn giao giữa Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030.

» Ban hành Bản phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030.

» HĐQT lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành các nội dung liên quan đến thực hiện quyền mua số cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (Giwaco) do Công ty sở hữu, theo đó Công ty không thực hiện

việc đầu tư mua và không chào bán quyền mua số cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ trong năm 2025 của Giwaco.

» Thực hiện các nội dung liên quan đến Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025 và công bố thông tin theo đúng quy định.

» Thực hiện các thủ tục để chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra.

» Chỉ đạo xây dựng và rà soát kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty và các Công ty thành viên.

» Lãnh đạo, chỉ đạo các nội dung liên quan đến công tác sắp xếp, kiện toàn tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.

Nhìn chung, trong năm 2025 HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT. Đảm bảo duy trì thực hiện tốt mối quan hệ giữa HĐQT, Đảng ủy bộ phận và Ban Giám đốc Công ty, đã kịp thời báo cáo Đảng ủy bộ phận về tình hình thực hiện các mặt công tác, công tác cán bộ, những chủ trương quan trọng của Công ty.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

» Trong năm 2025, HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và tập trung nỗ lực thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đạt được như sau:

» Về sản lượng nước sản xuất đạt 98% so kế hoạch, ghi thu đạt 96,9% so kế hoạch; doanh thu đạt 98,7% so kế hoạch, lợi nhuận trước thuế không bao gồm lãi/lỗ CLTG đạt 107,3% so kế hoạch, lợi nhuận sau thuế không bao gồm lãi/lỗ CLTG đạt 107,5% so kế hoạch; nộp ngân sách Nhà nước đạt 106,1% so kế hoạch; tỷ

lệ thất thoát tăng 1% so kế hoạch (giảm 0,1% so với cùng kỳ); chỉ tiêu phát triển khách hàng đạt 91% so kế hoạch (tăng 18.984 khách hàng); chỉ tiêu về đầu tư xây dựng cơ bản đạt 43% so với kế hoạch.

» Nhìn chung, năm 2025 kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty cơ bản bám sát theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, do một số yếu tố tác động nên làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về Sản lượng, Doanh thu, Đầu tư XDCB và Tỷ lệ thất thoát còn cao.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cơ bản:

- Doanh thu: 1.182.600.000.000 đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 310.700.000.000 đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 279.630.000.000 đồng;

- Phải nộp ngân sách Nhà nước: 120.000.000.000 đồng;
- Đầu tư Xây dựng cơ bản: 428.000.000.000 đồng.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm:

HĐQT tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT. Lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành nỗ lực phấn đấu thực hiện hoàn thành các nội dung và các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2026. Giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Nghị quyết của HĐQT Công ty.

Trong năm 2026, HĐQT tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác số hóa, ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, sản xuất...; công tác sắp xếp, kiện toàn tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành; công tác tổ chức cán bộ nhằm tăng cường chức năng tham mưu, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tăng

cường phân công, phân cấp, kiểm tra, giám sát cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ được giao; tập trung tháo gỡ các khó khăn để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo theo kế hoạch; tăng cường phát triển khách hàng; thực hiện nhanh, hiệu quả việc chuyển đổi số trong SXKD; duy trì công tác mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng, tăng cường các giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát nước; theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sau sắp xếp kiện toàn....Chú trọng việc tuân thủ các quy định pháp lý và các văn bản mới cập nhật liên quan đến hoạt động SXKD, công tác quản trị Công ty.

Rà soát các quy định, quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT; Xem xét các tài liệu báo cáo của nhóm người đại diện vốn Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết về hồ sơ hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT	17/4/2020	28/02/2025
2	Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch HĐQT	28/02/2025	
3	Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty	28/02/2025	
4	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty	28/02/2025	
5	Ông Nguyễn Văn Thiện	TV.HĐQT không điều hành	28/02/2025	
6	Ông Phạm Anh Tuấn	TV.HĐQT không điều hành	28/02/2025	
7	Ông Võ Văn Bình	TV.HĐQT không điều hành	28/02/2025	
8	Ông Nguyễn Công Hiếu	TV.HĐQT không điều hành	28/02/2025	



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1

Bà PHẠM THỊ HỒNG

Chủ tịch HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**
30.000.000 cổ phần chiếm 25% vốn điều lệ (đại diện sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp).
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:**
Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2

2

Ông TRẦN VĂN NGUYÊN

Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**
18.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ (đại diện sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp).
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:**
Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (đến hết ngày 24/04/2025);
Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (đến hết ngày 18/04/2025);
Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (đến hết ngày 18/04/2025).

3

Ông NGUYỄN CAO HÀ

Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**
12.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ (đại diện sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp).
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:**
Không có



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4

Ông NGUYỄN VĂN THIỀN

Thành viên HĐQT không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

1.200.000 cổ phần, chiếm 1% vốn điều lệ.

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần – Tổng Công ty nước – Môi trường Bình Dương;

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hoà;

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân;

Thành viên HĐQT Tổng Công ty Sản xuất – XNK Bình Dương;

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

5

Ông PHẠM ANH TUẤN

Thành viên HĐQT không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

0 cổ phần.

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;

Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức;

Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận.

6

Ông VÕ VĂN BÌNH

Thành viên HĐQT không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

0 cổ phần.

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;

Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu;

Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật D&B;

Phó chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân;

Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp nước Gia Tân – Cẩm Mỹ.

Giám đốc tại Công ty Cổ phần nước Châu Đức;

Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Nước Quốc tế.

7

Ông NGUYỄN CÔNG HIẾU

Thành viên HĐQT không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

2.500 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định về việc thành lập Văn phòng HĐQT trực thuộc HĐQT Công ty có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 để tham mưu, giúp việc, trợ lý cho các hoạt động của HĐQT.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và tập trung nỗ lực thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành, kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đạt được như sau: về sản lượng nước sản xuất đạt 98% so kế hoạch, ghi thu đạt 96,9% so kế hoạch; doanh thu đạt 98,7% so kế hoạch, lợi nhuận trước thuế không bao gồm lãi/lỗ CLTG đạt 107,3% so kế hoạch, lợi nhuận sau thuế không bao gồm lãi/lỗ CLTG đạt 107,5% so kế hoạch; nộp ngân sách Nhà nước đạt 106,1% so kế hoạch; tỷ lệ thất thoát tăng 1% so kế hoạch (giảm 0,1% so với cùng kỳ); chỉ tiêu phát triển khách hàng đạt 91% so kế hoạch (tăng 18.984 khách hàng); chỉ tiêu về đầu tư xây dựng cơ bản đạt 43% so với kế hoạch.

Nhìn chung, năm 2025 kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty cơ bản bám sát theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, do một số yếu tố tác động nên làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về Sản lượng, Doanh thu, Đầu tư XDCB và Tỷ lệ thất thoát còn cao.

Một số công tác khác:

Giao kế hoạch 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty và các Công ty thành viên đảm bảo theo đúng kế hoạch.

Thực hiện các nội dung liên quan đến công tác bàn giao giữa Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030.

Ban hành Bản phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030.

HĐQT lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành các nội dung liên quan đến thực hiện quyền mua số cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (Giwaco) do Công ty sở hữu, theo đó Công ty không thực hiện việc đầu tư mua và không chào bán quyền mua số cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ trong năm 2025 của Giwaco.

Thực hiện các nội dung liên quan đến Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025 và công bố thông tin theo đúng quy định.

Thực hiện các thủ tục để chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra.

Chỉ đạo xây dựng và rà soát kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty và các Công ty thành viên.

Lãnh đạo, chỉ đạo các nội dung liên quan đến công tác sắp xếp, kiện toàn tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty.

Nhìn chung, trong năm 2025 HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT. Đảm bảo duy trì thực hiện tốt mối quan hệ giữa HĐQT, Đảng ủy bộ phận và Ban Giám đốc Công ty, đã kịp thời báo cáo Đảng ủy bộ phận về tình hình thực hiện các mặt công tác, công tác cán bộ, những chủ trương quan trọng của Công ty.

Về công tác tổ chức, cán bộ:

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, ĐHĐCĐ đã bầu ra HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 07 thành viên. HĐQT Công ty đã bầu ra chức danh Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với chức danh trong Ban điều hành nhiệm kỳ 2025-2030. Ngày 26/3/2025, HĐQT đã bổ nhiệm Ông Lê Thành Trung giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/4/2025.

Trong phạm vi thẩm quyền, HĐQT đã ban hành Quy định công tác Quy hoạch cán bộ và phê duyệt Kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ, quản lý năm 2025 của Công ty; phê duyệt danh sách nhân sự bổ sung quy hoạch cán bộ Lãnh đạo Công ty giai đoạn 2025-2030.

Trong năm, HĐQT đã thông qua chủ trương về việc điều động, bổ nhiệm, giới thiệu nhân sự bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty, theo đó Giám đốc Công ty đã ban hành các Quyết định liên quan đến công tác cán bộ theo đúng thẩm quyền, quy định.

HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiện toàn Nhóm đại diện phần vốn của Công ty tại Giwaco, theo đó HĐQT đã thôi cử Ông Vũ Anh Tuấn làm người đại diện phần vốn của Công ty tại Giwaco kể từ ngày 09/9/2025.

Chủ tịch đã ký ban hành Quyết định về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với Bà Nguyễn Thu Oanh - Kế toán trưởng Công ty, đồng thời HĐQT đã ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Bách Thảo giữ chức vụ Phụ trách kế toán Công ty (thay Bà Nguyễn Thu Oanh), thời hạn bổ nhiệm là 06 tháng kể từ ngày 01/10/2025.

Trong Quý 4/2025, thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty liên quan đến chủ trương sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy và chủ trương về công tác cán bộ, theo đó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty đã ban hành các Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 theo thẩm quyền:

- » Chủ tịch HĐQT đã ban hành các Quyết định liên quan đến việc thành lập Văn phòng HĐQT; sáp nhập CNCN Nhơn Trạch vào CNCN Thiện Tân đồng thời chấm dứt hoạt động của CNCN Nhơn Trạch; sáp nhập CNCN Vĩnh An vào CNCN Long Bình đồng thời chấm dứt hoạt động của CNCN Vĩnh An; bổ nhiệm Bà Nguyễn Thu Trang - Phó phòng/Phụ trách Phòng Kinh doanh giữ chức vụ Chánh Văn phòng HĐQT, Ông Nguyễn Đức Định - Phó phòng QTTH giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng HĐQT.
- » Giám đốc cũng đã ban hành các Quyết định thôi giữ chức vụ Giám đốc CNCN Thiện Tân đối với Ông Nguyễn Văn Nguyên; bổ nhiệm Ông Đặng Văn Chất - Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc CNCN Thiện Tân và Ông Lê Đức Thuận giữ chức vụ Giám đốc CNCN Long Bình (sau sáp nhập); điều động và bổ nhiệm Ông Nguyễn Cao Cường - Giám đốc CNQL Ghi thu giữ chức vụ Trưởng phòng QLCL nước, điều động và bổ nhiệm Ông Vũ Anh Tuấn - Giám đốc CNCN Thạnh Phú giữ chức vụ Giám đốc CNQL Ghi thu; giao Ông Lê Thành Trung - Phó Giám đốc Công ty phụ trách Phòng Kinh doanh, giao Ông Trần Văn Thanh - Phó Giám đốc CNCN Thạnh Phú phụ trách CNCN Thạnh Phú, đồng thời rà soát bổ nhiệm đối với các chức danh cán bộ quản lý tại các đơn vị sau sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo quy định và tạo sự đồng thuận cao.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm, giữa 02 nhiệm kỳ HĐQT đã tổ chức 08 kỳ họp:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
I. Nhiệm kỳ 2020 - 2025:				
1	Đặng Văn Chất	02/02	100%	
2	Nguyễn Văn Thiện	02/02	100%	
3	Phạm Thị Hồng	02/02	100%	
4	Nguyễn Cao Hà	02/02	100%	
5	Phạm Anh Tuấn	02/02	100%	
6	Võ Văn Bình	02/02	100%	
7	Nguyễn Công Hiếu	02/02	100%	
II. Nhiệm kỳ 2025 - 2030:				
1	Phạm Thị Hồng	06/06	100%	
2	Trần Văn Nguyên	06/06	100%	
3	Nguyễn Cao Hà	05/06	83,3%	Nghỉ phép - Ủy quyền cho Ông Trần Văn Nguyên - TV.HĐQT tham dự họp và biểu quyết và đã được HĐQT chấp thuận
4	Phạm Anh Tuấn	05/06	83,3%	Đi công tác
5	Nguyễn Công Hiếu	06/06	100%	
6	Nguyễn Văn Thiện	05/06	83,3%	Đi công tác - Ủy quyền cho Ông Trần Chiến Công - Tổng Giám đốc Biwase tham dự họp và biểu quyết và đã được HĐQT chấp thuận
7	Võ Văn Bình	06/06	100%	

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp. Trên cơ sở các Biên bản họp và kết quả Phiếu lấy ý kiến các Thành viên HĐQT, HĐQT đã ban hành 18 Nghị quyết và 57 Quyết định để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
1. Các Nghị quyết					
a) Nhiệm kỳ 2020-2025					
1	01/NQ-HĐQT	16/01/2025	Nghị quyết kỳ họp lần thứ 35 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung: 1. Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT Quý 4 và năm 2024; kế hoạch hoạt động năm 2025 và Quý 01/2025 của HĐQT Công ty. 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD Quý 4 và năm 2024; Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2025 của Ban điều hành.	100%	
2	02/NQ-HĐQT	07/02/2025	Nghị quyết kỳ họp lần thứ 36 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung: 1. Thống nhất thông qua việc chi Quỹ thù lao của Người quản lý năm 2024. 2. Thông qua các nội dung chương trình và hồ sơ trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 của Công ty. 3. Thông qua việc quyết toán quỹ tiền lương của người quản lý và quỹ tiền lương của người lao động Công ty năm 2024; Kế hoạch quỹ tiền lương của người quản lý và quỹ tiền lương của người lao động Công ty năm 2025. 4. Về việc quyết toán Quỹ tiền lương thù lao của HĐQT, BKS năm 2024; Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2025.	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
b) Nhiệm kỳ 2025-2030					
1	01/NQ-HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết kỳ họp thứ 1 - V/v bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 đối với Bà Phạm Thị Hồng	100%	
2	02/NQ-HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết kỳ họp thứ 2 thông qua nội dung: - Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm các chức danh trong Ban điều hành, Người Phụ trách quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.	100%	
3	03/NQ-HĐQT	22/04/2025	Nghị quyết kỳ họp lần thứ 04 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung: 1. Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT Công ty trong Quý 1/2025; kế hoạch hoạt động trong Quý 2/2025 của HĐQT Công ty. 2. Thông qua kết quả hoạt động SXKD của Công ty Quý 1/2025; phương hướng nhiệm vụ Quý 2/2025 của Ban điều hành. 3. Thông qua việc ban hành Quy định về công tác quy hoạch cán bộ của Công ty. 4. Thống nhất thông qua chủ trương về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty. 5. Thông qua chủ trương về việc giới thiệu nhân sự để điều động và bổ nhiệm, giao phụ trách đơn vị, bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty. 6. Phê duyệt BCNCKT ĐTXD Dự án xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom. 7. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt các chủ trương liên quan đến công tác cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty. 8. Thông qua việc đăng ký tham gia mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi. 9. Thông qua bảng phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030.	Nội dung số 3 đạt 71,4% (5/7 tán thành; 2/7 không ý kiến); các nội dung còn lại đạt 100%	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
4	04/NQ-HĐQT	29/04/2025	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.	100%	
5	05/NQ-HĐQT	19/05/2025	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2025.	100%	
6	06/NQ-HĐQT	27/05/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương thực hiện giao dịch với bên có liên quan.	100%	
7	07/NQ-HĐQT	26/06/2025	Về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân năm 2025.	100%	
8	08/NQ-HĐQT	31/07/2025	Nghị quyết kỳ họp lần thứ 05 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung: 1. Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT Công ty 6 tháng đầu năm 2025; Kế hoạch hoạt động Quý 3 và 6 tháng cuối năm 2025; 2. Thông qua kết quả hoạt động SXKD của Công ty 6 tháng đầu năm 2025; Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025; 3. Thông qua nội dung điều chỉnh Kế hoạch SXKD và Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2025; Sắp xếp, kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức; 4 Thông qua nội dung hoàn trả NSNN giá trị hạng mục tuyến ống phân phối 2xOD110 dự án Nâng cấp mở rộng đường Đặng Văn Trơn.	100%	
9	09/NQ-HĐQT	31/07/2025	Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	85,71%	06/07 phiếu biểu quyết tán thành; 01 phiếu không có ý kiến
10	11/NQ-HĐQT	05/09/2025	Về việc thông qua hồ sơ để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	100%	
11	12/NQ-HĐQT	29/09/2025	Về việc giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm chức danh Phụ trách Kế toán Công ty.	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
12	13/NQ-HĐQT	01/10/2025	Về việc bổ nhiệm Phụ trách Kế toán Công ty và chấp thuận chủ trương giao Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán Công ty	100%	
13	14/NQ-HĐQT	30/10/2025	<p>Nghị quyết kỳ họp lần thứ 06 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung:</p> <p>1. Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT Công ty Quý 3/2025; Kế hoạch hoạt động Quý 4/2025;</p> <p>2. Thông qua kết quả hoạt động SXKD của Công ty 9 tháng đầu năm 2025; Phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2025;</p> <p>3. Chấp thuận việc bổ sung Kế hoạch Đầu tư XDCB năm 2025 để thực hiện các dự án/công trình theo nội dung Tờ trình của Ban điều hành</p>	100%	
14	15/NQ-HĐQT	10/11/2025	Chấp thuận chủ trương thực hiện giao dịch với bên có liên quan - Công ty CP sonadezi Long Binh.	100%	



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
15	16/NQ-HĐQT	23/12/2025	Chấp thuận chủ trương thực hiện ký kết hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan - Tổng Công ty Sonadezi và Công ty CP Sonadezi Bình Thuận.	100%	<p>- Về việc ký kết hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty Sonadezi (SNZ): 04/04 phiếu, (Bà Phạm Thị Hồng</p> <p>- CT.HĐQT, Ông Trần Văn Nguyên</p> <p>- TV.HĐQT và Ông Nguyễn Cao Hà</p> <p>- TV.HĐQT là người có lợi ích liên quan nên không thực hiện biểu quyết).</p> <p>- Về việc ký kết hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (SZT): 05/05 phiếu, đạt 100% (Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT và Ông Nguyễn Công Hiếu - TV.HĐQT là người có lợi ích liên quan nên không thực hiện biểu quyết).</p>

2. Các Quyết định

a) Nhiệm kỳ 2020-2025

1	01/QĐ-HĐQT	08/01/2025	Phê duyệt BCNCKT ĐTXD dự án lắp đặt tuyến ống truyền tải, phân phối 02 bên đường ĐT765 từ Quốc lộ 1A đến Nhà thờ tin lành Lang Minh, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai	71,4%	(5/7 TV.HĐQT): 02 không có ý kiến)
2	02/QĐ-HĐQT	10/01/2025	Về việc chi tiền lương bổ sung quý IV cho Người quản lý chuyên trách.	-	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
3	03/QĐ-HĐQT	10/01/2025	Về việc chi tiền lương bổ sung năm cho Người quản lý chuyên trách.	-	
4	04/QĐ-HĐQT	20/01/2025	Về việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ và danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể thuộc các Công ty thành viên năm 2024	-	
5	05/QĐ-HĐQT	21/01/2025	Chi tiền thưởng theo kết quả công việc năm 2024 cho Người quản lý.	-	
6	06/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Về việc chi tiền lương bổ sung năm cho Người quản lý điều hành.	-	
7	07/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Về việc giao nhiệm vụ năm 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại Công ty CPCN Nhơn Trạch.	-	
8	08/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Về việc giao nhiệm vụ năm 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại Công ty CPCN Long Khánh.	-	
9	09/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Về việc giao nhiệm vụ năm 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại Công ty CP Dịch vụ và XDCN Đồng Nai.	-	
10	10/QĐ-HĐQT	13/02/2025	Về việc thành lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.	-	
11	11/QĐ-HĐQT	13/02/2025	Về việc thành lập Ban kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	-	
12	12/QĐ-HĐQT	19/02/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình và thẩm tra bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình dự án lắp đặt tuyến ống truyền tải, phân phối 02 bên đường ĐT765 từ Quốc lộ 1A đến Nhà thờ tin lành Lang Minh, Xuân Lộc, Đồng Nai.	85,7%	(6/7 TV.HĐQT): 01 không có ý kiến)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
13	13/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Về việc chấp thuận cho Người lao động đi tham quan du lịch Trung Quốc.	-	
14	14/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Về việc chấp thuận cho Người lao động đi tham quan du lịch Trung Quốc.	-	
15	15/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Về việc chấp thuận cho Người lao động đi tham quan du lịch Úc.	-	
16	16/QĐ-HĐQT	25/02/2025	Về việc chấp thuận cho Người lao động đi tham quan du lịch Úc.	-	
17	17/QĐ-HĐQT	25/02/2025	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây lắp: Thi công xây dựng công trình, tư vấn: Giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn kiểm toán dự án HTCN xã Hưng Thịnh, Trảng Bom, Đồng Nai.	71,4%	(5/7 TV.HĐQT): 02 không có ý kiến)
18	18/QĐ-HĐQT	27/02/2025	Về việc chi tiền lương Người quản lý điều hành.	-	
b) Nhiệm kỳ 2025-2030					
1	01/QĐ-HĐQT	28/02/2025	Về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Trần Văn Nguyên.	100%	
2	02/QĐ-HĐQT	28/02/2025	Về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Cao Hà.	100%	
3	03/QĐ-HĐQT	28/02/2025	Về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Đặng Văn Chất.	100%	
4	04/QĐ-HĐQT	28/02/2025	Về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Thu Oanh.	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
5	05/QĐ-HĐQT	28/02/2025	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty đối với Ông Nguyễn Ngọc Hiến.	100%	
6	06/QĐ-HĐQT	26/03/2025	Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Lê Thành Trung.	100%	
7	07/QĐ-HĐQT	08/04/2025	Chấp thuận cho Người lao động đi tham quan, du lịch Trung Quốc.	-	
8	08/QĐ-HĐQT	22/04/2025	Chấp thuận cho Người lao động đi tham quan, du lịch Trung Quốc.	-	
9	09/QĐ-HĐQT	29/04/2025	Về việc phê duyệt BCNCKT ĐTXD Dự án Hệ thống cấp nước xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom.	-	
10	10/QĐ-HĐQT	29/04/2025	Về việc kiện toàn Tổ thẩm định các dự án đầu tư thuộc HĐQT Công ty.	-	
11	11/QĐ-HĐQT	29/04/2025	Về việc ban hành Quy định công tác quy hoạch cán bộ.	-	
12	12/QĐ-HĐQT	23/05/2025	Về việc phê duyệt KHLCNT tư vấn: Thiết kế, Thẩm tra bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình Dự án HTCN xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom.	85,7%	(6/7 TV.HĐQT; 01 không có ý kiến)
13	13/QĐ-HĐQT	27/05/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch Hàn Quốc.	-	
14	14/QĐ-HĐQT	28/05/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Châu Âu (Pháp - Thụy Sĩ - Ý).	-	
15	15/QĐ-HĐQT	09/06/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch Châu Âu (Pháp, Thụy Sĩ, Ý, Vatican).	-	
16	16/QĐ-HĐQT	26/06/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty thăm thân nhân tại Canada.	-	

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
17	17/QĐ-HĐQT	16/07/2025	Về việc cử nhân sự tham gia chương trình đào tạo quốc tế 2025 với chuyên đề "Kỹ thuật máy bơm cho lĩnh vực Cấp thoát nước và nước thải".	-	
18	18/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc.	-	
19	19/QĐ-HĐQT	26/09/2025	Về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí.	-	
20	20/QĐ-HĐQT	08/09/2025	Về việc phê duyệt danh sách nhân sự bổ sung quy hoạch cán bộ Lãnh đạo Công ty giai đoạn 2025 - 2030 (rà soát năm 2025).	-	
21	21/QĐ-HĐQT	09/09/2025	Về việc thôi cử Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty CPCN Gia Tân.	100%	
22	22/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc bổ nhiệm Phụ trách Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.	100%	
23	23/QĐ-HĐQT	02/10/2025	Phê duyệt BCKTKT Dự án Lắp đặt song chắn rác tại đầu thu nước thô D1800 Thiện Tân - Nhơn Trạch.	100%	
24	24/QĐ-HĐQT	09/10/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc.	-	
25	25/QĐ-HĐQT	22/10/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc.	-	
26	26/QĐ-HĐQT	01/12/2025	Phê duyệt BCKTKT Dự án lắp đặt TOCN HDPE OD355 tăng nguồn cho khu Lục quân 2, phường Tam Phước, xã An Phước và xã Bình An.	100%	
27	27/QĐ-HĐQT	02/12/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Thái Lan.	-	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Ghi chú
			Thành lập Văn phòng HĐQT.	100%	
28	28/QĐ-HĐQT	19/12/2025	Phê duyệt Quy chế làm việc của Văn phòng HĐQT.	85,7%	(6/7 TV.HĐQT; 01 không có ý kiến)
			Sáp nhập CNCN Nhơn Trạch và CNCN Thiện Tân.	100%	
29	29/QĐ-HĐQT	19/12/2025	Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của CNCN Thiện Tân.	85,7%	(6/7 TV.HĐQT; 01 không có ý kiến)
			Sáp nhập CNCN Vĩnh An và CNCN Long Bình.	100%	
30	30/QĐ-HĐQT	19/12/2025	Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của CNCN Long Bình.	85,7%	(6/7 TV.HĐQT; 01 không có ý kiến)
31	31/QĐ-HĐQT	19/12/2025	Chấm dứt hoạt động của CNCN Nhơn Trạch.	100%	
32	32/QĐ-HĐQT	19/12/2025	Chấm dứt hoạt động của CNCN Vĩnh An.	100%	
33	33/QĐ-HĐQT	24/12/2025	Chi tiền lương bổ sung năm 2025 cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS (ứng lương).	-	
34	34/QĐ-HĐQT	24/12/2025	Chi tiền lương bổ sung năm 2025 cho Ban Điều hành (ứng lương).	-	
35	35/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Bổ nhiệm Chánh Văn phòng HĐQT.	71,4%	(5/7 TV.HĐQT; 02 không có ý kiến)
36	36/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Bổ nhiệm Phó Chánh Văn phòng HĐQT.	71,4%	(5/7 TV.HĐQT; 02 không có ý kiến)
37	37/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Kiện toàn Hội đồng Thi đua khen thưởng của Công ty.	-	
38	38/QĐ-HĐQT	25/12/2025	Kiện toàn Hội đồng sáng kiến của Công ty.	-	
39	39/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc.	-	

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

STT	Khóa đào tạo	Thành phần tham dự	Đơn vị tổ chức
1	Quản trị Công ty, công bố thông tin và lập báo cáo tài chính	- Ông Nguyễn Cao Hà TV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty, người được UQCBTT; - Ông Trần Hoàng Anh Phương - Nhân viên Kế toán tổng hợp	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
2	Quản trị Công ty	- Ông Phạm Văn Lâm - Thư ký Ban Giám đốc	Viện Phát triển Nguồn nhân lực và Kinh doanh (HUREDIN) trực thuộc Đại học Kinh tế TP.HCM
3	Nhóm chuẩn mực Công cụ tài chính (IAS 32, IFRS 9, IFRS 7) và Công ty liên kết (IAS 28, IFRS 11, IFRS 12)	- Bà Lê Thị Ngọc Sáu - Trưởng BKS Công ty; - Bà Nguyễn Bách Thảo - Phụ trách Kế toán Công ty.	Tổng Công ty Sonadezi phối hợp cùng Công ty TNHH Tư vấn A&C
4	Hội thảo "Những điểm thay đổi đáng lưu ý trong việc chào bán, phát hành của Công ty đại chúng"	- Ông Nguyễn Ngọc Hiến - Phụ trách Quản trị Công ty.	Công ty CP Chứng khoán FPT - CN Tp. HCM cùng với sự tham gia của đại diện UBCKNN.



THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV. BKS	Trình độ chuyên môn
1	Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng BKS	28/02/2025	Cử nhân Tài chính - Kế toán; Ths. Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn An Quốc	Thành viên BKS	28/02/2025	Kỹ sư Xây dựng
3	Nguyễn Duy Khang	Thành viên BKS	28/02/2025	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Lê Thị Ngọc Sáu	03/03	100%	100%	
2	Nguyễn An Quốc	03/03	100%	100%	
3	Nguyễn Duy Khang	03/03	100%	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Đối với việc giám sát hoạt động của HĐQT:

BKS thực hiện việc giám sát HĐQT trong việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế đối với các hoạt động của HĐQT Công ty.

HĐQT gồm 07 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 02 thành viên kiêm nhiệm trong Ban điều hành Công ty, 04 thành viên không tham gia Ban điều hành. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, điều lệ, các quy chế của Công ty và sự phân công công việc cho từng thành viên HĐQT.

HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và có biên bản họp sau khi kết thúc. Các nội dung cuộc họp được xem xét, thảo luận thông qua để ban hành nghị quyết triển khai thực hiện, đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế theo đúng định hướng, chiến lược phát triển của Công ty và phù hợp các quy định của pháp luật.

HĐQT đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Đối với việc giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc gồm 4 thành viên, mỗi thành viên đều phát huy vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

Ban giám đốc đã thực hiện những chính sách, định hướng giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Định kỳ hàng tháng Ban Giám đốc đều tổ chức họp giao ban với thành phần gồm Ban Giám đốc, Trưởng/Phó phòng/ban Công ty, chi nhánh trực thuộc để nắm bắt tình hình hoạt động tại các đơn vị, rà soát kế hoạch và tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các đơn vị.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- HĐQT, Ban Giám đốc và BKS đã phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và các cổ đông. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty.
- BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đối với các nội dung HĐQT lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền giữa các kỳ họp định kỳ, HĐQT đều có cung cấp tài liệu và thông tin đến BKS.
- BKS được mời tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Công ty để nắm bắt việc triển khai các nhiệm vụ hoạt động SXKD hàng tháng giữa Ban Giám đốc Công ty và các đơn vị trực thuộc, kết quả thực hiện, qua đó giám sát được hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và Nghị quyết của HĐQT.

Trong quá trình BKS làm việc, HĐQT, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện chức năng kiểm soát trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Các đơn vị, bộ phận đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp BKS hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Cộng
1	Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ 28/02/2025); Giám đốc (Miễn nhiệm từ 28/02/2025)	216.000.000	1.440.318.200	1.656.318.200
2	Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/03/2025)	80.000.000	1.189.725.000	1.269.725.000
3	Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ 28/02/2025); Phó Giám đốc	216.000.000	1.168.710.000	1.384.710.000
4	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	296.000.000	1.165.990.000	1.461.990.000
5	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	256.000.000	-	256.000.000
6	Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	256.000.000	-	256.000.000
7	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	256.000.000	-	256.000.000
8	Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên HĐQT	256.000.000	-	256.000.000
9	Ông Lê Thành Trung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/04/2025)	-	627.317.000	627.317.000
10	Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ 26/09/2025)	-	795.828.000	795.828.000
11	Bà Nguyễn Bách Thảo	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm từ 26/09/2025)	-	99.369.818	99.369.818

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (BWE)	- Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; - Tổ chức có liên quan của Người nội bộ - Ông Nguyễn Văn Thiện - TV.HĐQT Công ty	22.600.000	18,83%	22.781.200	18,98%	Mua (Thông báo giao dịch cổ phiếu ngày 20/12/2025 và Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu ngày 27/12/2025 của BWE)

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên	Thời điểm giao dịch	Số NQ của HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Sonadezi	Công ty mẹ	Số: 3600335363 cấp ngày 01/7/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/10/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 37,4 triệu đồng - Chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch 122,86 tỷ đồng.
2	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số: 3600274914 cấp ngày 07/08/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 15/9/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT; 18/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 1,89 tỷ đồng. - Mua hàng hóa, dịch vụ: Thuê dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải; chăm sóc cây kiểng. Tổng giá trị giao dịch: 242,7 triệu đồng
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị CN Số 2	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số: 3600259560 cấp ngày 03/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28/8/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số 47, đường D9, Khu dân cư đường Võ Thị Sáu, khu phố Vinh Thạnh, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025		- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng). Tổng giá trị giao dịch: 532,6 triệu đồng
4	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	Số: 3600649539 cấp ngày 18/08/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 15/8/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	KCN Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 74,6 tỷ đồng.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên	Thời điểm giao dịch	Số NQ của HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
5	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số: 3600334112 cấp ngày 04/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/7/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	1B-D3 KP Bình Dương, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 586,5 triệu đồng.
6	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	Số: 3600899948 cấp ngày 26/06/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23/9/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tầng 9, Cao ốc Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 11,3 triệu đồng - Nhận chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch: 171 triệu đồng.
7	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT và BKS	Số: 3601867699 cấp ngày 01/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/9/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	Các NQ số 13/NQ- HĐQT; 01/ NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv và lắp đặt đồng hồ nước cho công trình Nhà xưởng). Tổng giá trị giao dịch: 54,2 tỷ đồng.
8	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Tổ chức có liên quan với	Số: 3401205899 cấp ngày 05/06/2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/8/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng	443 Thôn 6, Xã Tân Minh, Tỉnh Lâm Đồng-	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 71,2 triệu đồng
9	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số: 3600449307 cấp ngày 12/01/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 30/7/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số 113 – 116, Lô C2, Đường 9, KDC An Bình, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv và súc xả Tuyến ống cấp nước). - Tổng giá trị giao dịch: 128,2 triệu đồng. Mua dịch vụ thi công các gói thầu Dự án: - Tổng giá trị giao dịch: 27 tỷ đồng.

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên	Thời điểm giao dịch	Số NQ của HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
10	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số: 3600890938 cấp ngày 15/5/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 07/01/2026; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	11/NQ- HĐQT; NQ số 07,08/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). Tổng giá trị giao dịch: 74,1 triệu đồng. - Mua hàng hóa dịch vụ: vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại. Tổng giá trị giao dịch: 103,5 triệu đồng - Nhận chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch: 300 triệu đồng.
11	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Tổ chức có liên quan với	Số 360347407 cấp ngày 01/7/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22/12/2023; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai-	Tầng 1, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 24,8 tỷ đồng
12	Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số 3600510590 cấp ngày 25/10/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/6/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Số 09 đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) - Tổng giá trị giao dịch: 83,3 triệu đồng
13	Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số 3600322445 cấp ngày 01/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11/4/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Số 121 Phan Chu Trinh, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 318,7 triệu đồng



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên	Thời điểm giao dịch	Số NQ của HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
14	Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số GCNĐK: 135/2017/GCNĐK KHĐ-TCD-NGCNĐK; Ngày cấp: 14/6/2017; Nơi cấp: Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)	Số 1, đường 6A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 64,9 triệu đồng
15	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số 3600451024 cấp ngày 01/03/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/10/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Đường số 6, KCN Hồ Nai, Phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv, Cho thuê mặt bằng quảng cáo tại thủy đài nước KCN Biên Hòa 1). Tổng giá trị giao dịch: 113,7 triệu đồng
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Vật liệu Đồng Nai	Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi	Số: 3600259352 cấp ngày 29/09/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 16/12/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	138 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	13/NQ- HĐQT	-Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). Tổng giá trị giao dịch: 76,2 triệu đồng
17	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con	Số: 3600977120; cấp ngày 14/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai	Năm 2025	14/NQ- HĐQT	- Bán hàng hóa dịch vụ (bán nước sạch qua đồng hồ tổng và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 57 tỷ đồng.
						08/NQ-HĐQT	- Nhận chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch: 7,8 tỷ đồng.

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên	Thời điểm giao dịch	Số NQ của HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
18	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con	Số: 3600979223; cấp ngày 18/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/10/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng	Số 02 Bis, Cách mạng tháng Tám, phường Long Khánh, Đồng Nai	Năm 2025	04/NQ-HĐQT	- Chi trả cổ tức năm 2024 cho Công ty: Tổng giá trị giao dịch: 7,6 tỷ đồng.
19	Công ty Cổ phần Dịch vụ & XDCN Đồng Nai	Công ty liên kết	Số: 3600978879; cấp ngày 18/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/02/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT Đồng Nai	Số 52, CMT8, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	07/2025/ NQ- HĐQT- DVW	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv, chuyển nhượng điện, vật tư) Tổng giá trị giao dịch: 252,1 triệu đồng. - Nhận chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch: 2,5 tỷ đồng.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

Không có

Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (SZL)	Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT, Tổng Giám đốc tại SZL	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	74,6 tỷ đồng
2	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (SZB)	- Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZB (đến hết ngày 28/3/2024); - Tổ chức có Ông Nguyễn Công Hiếu - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.BKS tại SZB	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv và lắp đặt đồng hồ nước cho công trình Nhà xưởng)	54,2 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (SZC)	Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZC	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	11,3 triệu đồng
4	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (SZT)	- Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZT; - Tổ chức có Ông Nguyễn Công Hiếu - TV.HĐQT Công ty đồng thời là Kế toán trưởng tại SZT	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	71,2 triệu đồng
5	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị CN Số 2 (D2D)	Tổ chức có Bà Phạm Thị Hồng – CT.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại D2D (kể từ ngày 16/4/2025)	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng).	532,6 triệu đồng
6	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Tổ chức có Ông Trần Văn Nguyên - Giám đốc Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại PDN (đến hết ngày 24/4/2025)	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	586,5 triệu đồng

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành

Không có

Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác

Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung, Công ty đã tuân thủ tương đối đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty đại chúng niêm yết. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức đúng hạn; việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và chi trả cổ tức năm 2024 được thực hiện đúng trình tự theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT duy trì 08 kỳ họp trong năm, ban hành đầy đủ 18 Nghị quyết và 57 Quyết định; thực hiện giám sát Ban điều hành và công bố thông tin định kỳ, bất thường theo quy định. BKS duy trì 03 thành viên, tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và giao ban Ban Giám đốc, thực hiện chức năng giám sát theo thẩm quyền. Công ty lựa chọn RSM Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét và kiểm toán BCTC theo quy định.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì chuẩn mực quản trị cao, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả hoạt động điều hành và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, cổ đông và các bên liên quan. Trọng tâm là rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ, bao gồm Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS, cùng Quy chế công bố thông tin.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



Số: 36/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 11 tháng 02 năm 2026 từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Thanh Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2025-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Lê Hoàng Mỹ Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6326-2023-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		823.034.993.764	817.442.877.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	86.436.248.594	41.792.675.739
1. Tiền	111		56.436.248.594	41.792.675.739
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		617.000.000.000	664.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	617.000.000.000	664.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.886.533.560	65.133.208.554
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	43.121.620.262	42.204.513.209
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.861.628.967	4.828.504.441
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	21.877.644.528	24.048.119.085
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(5.974.360.197)	(5.947.928.181)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	48.718.157.133	44.576.708.453
1. Hàng tồn kho	141		48.970.074.541	44.831.507.361
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(251.917.408)	(254.798.908)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		994.054.477	1.740.284.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	309.208.284	406.485.165
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		684.846.193	1.181.528.576
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	-	152.271.075
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.619.122.728.886	2.705.993.364.323
I. Tài sản cố định	220		2.379.866.574.243	2.457.823.713.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	2.092.176.996.434	2.162.478.110.704
Nguyên giá	222		5.731.620.995.888	5.504.244.096.915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.639.443.999.454)	(3.341.765.986.211)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	287.689.577.809	295.345.603.021
Nguyên giá	228		375.621.784.291	375.463.534.291
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.932.206.482)	(80.117.931.270)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		153.501.702.479	168.437.411.003
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	153.501.702.479	168.437.411.003
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	55.844.095.390	54.845.648.605
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.977.705.882	19.672.049.566
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		56.709.842.490	54.209.842.490
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.843.452.982)	(19.036.243.451)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		29.910.356.774	24.886.590.990
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	29.910.356.774	24.886.590.990
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.442.157.722.650	3.523.436.241.885

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		957.739.391.374	1.077.643.004.439
I. Nợ ngắn hạn	310		422.976.932.347	472.917.580.128
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	57.517.060.380	60.628.524.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.698.955.726	6.041.087.090
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	13.438.029.438	15.070.984.256
4. Phải trả người lao động	314	4.13	86.311.413.830	73.447.730.583
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.995.526.088	9.130.233.679
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		13.028.821.894	17.374.196.605
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	169.197.401.509	223.201.073.681
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	67.789.723.482	68.023.749.776
II. Nợ dài hạn	330		534.762.459.027	604.725.424.311
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		6.086.138.296	6.608.516.442
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	1.382.977.596
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	528.676.320.731	596.733.930.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.484.418.331.276	2.445.793.237.446
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	2.484.418.331.276	2.445.793.237.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		118.520.157.819	118.520.157.819
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.218.693.500	26.218.693.500
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		386.938.592.959	297.447.141.822
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		697.405.410.539	746.419.618.043
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		427.576.034.997	413.716.576.261
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		269.829.375.542	332.703.041.782
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		119.571.242.559	121.423.392.362
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.442.157.722.650	3.523.436.241.885

Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Bách Thảo
Phụ trách Kế toán

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.309.241.279.689	1.282.996.622.921
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.309.241.279.689	1.282.996.622.921
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	823.345.327.048	790.538.443.811
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		485.895.952.641	492.458.179.110
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	30.681.720.715	76.498.071.903
6. Chi phí tài chính	22	5.4	51.763.500.921	35.922.712.932
Trong đó, chi phí lãi vay	23		27.177.843.154	29.458.328.179
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		2.798.535.041	2.932.865.152
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	75.533.151.230	70.838.885.330
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	77.930.076.524	80.848.113.958
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		314.149.479.722	384.279.403.945
11. Thu nhập khác	31		11.648.319.005	8.441.767.594
12. Chi phí khác	32		4.726.248.018	6.655.945.854
13. Lợi nhuận khác	40		6.922.070.987	1.785.821.740
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		321.071.550.709	386.065.225.685
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	34.024.319.582	40.112.297.204
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		287.047.231.127	345.952.928.481
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		272.196.951.725	334.077.291.293
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.850.279.402	11.875.637.188
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	2.007	2.526
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	2.007	2.526



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Bách Thảo
Phụ trách Kế toán

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		321.071.550.709	386.065.225.685
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	305.492.288.455	310.309.998.795
Các khoản dự phòng	03		1.830.760.047	6.292.596.378
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		21.346.300.134	(47.642.456.443)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.415.028.819)	(28.575.925.557)
Chi phí lãi vay	06	5.4	27.177.843.154	29.458.328.179
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		644.503.713.680	655.907.767.037
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.192.055.602	(500.570.822)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.138.567.180)	(3.068.812.072)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21.288.365.917	(28.860.525.784)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(4.926.488.903)	(19.360.604.331)
Tiền lãi vay đã trả	14		(28.372.872.801)	(30.923.300.630)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(39.858.214.613)	(36.311.408.729)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(42.211.488.866)	(29.945.266.633)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		548.476.502.836	506.937.278.036
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(230.408.700.576)	(151.363.524.871)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	154.140.094
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(737.500.000.000)	(959.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		784.700.000.000	820.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.500.000.000)	(1.140.120.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.746.219.068	23.970.994.620
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(153.962.481.508)	(267.578.510.157)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	90.125.819.000	122.371.634.717
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(233.533.400.848)	(220.768.322.080)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.16.6	(206.462.866.625)	(151.378.003.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(349.870.448.473)	(249.774.691.063)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		44.643.572.855	(10.415.923.184)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		41.792.675.739	52.208.598.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	86.436.248.594	41.792.675.739



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Bách Thảo
Phụ trách Kế toán

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty" hoặc "công ty mẹ") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 03 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 16 tháng 03 năm 2016, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với Mã chứng khoán là DNW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.200.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Việt Nam	767.869.200.000	63,99	767.869.200.000	63,99
Các cổ đông khác		432.130.800.000	36,01	432.130.800.000	36,01
Cộng		1.200.000.000.000	100	1.200.000.000.000	100

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa	Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Long Bình	Số 493/15, tổ 8, KP 9, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân	Số 329, đường Hoàng Văn Bồng, khu phố 21, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch	Số 327, đường Hoàng Văn Bồng, khu phố 21, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An	Tổ 1, KP 1, xã Trại An, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc	Tổ 1, khu phố 7, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú	Số 119A, lộ 768, khu phố Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Long Thành	Số 113, Đường Lê Duẩn, khu Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1005 (01 tháng 01 năm 2025 là 1017).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch, dịch vụ lắp đặt và sản xuất nước tinh khiết.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Các công ty con được hợp nhất

STT	Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	51,00%	51,00%

1.6. Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt	Số 52, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	36,00%	36,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch;
- Riêng đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là các khoản vay, tỷ giá áp dụng là tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 25 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 12 năm
▪ Khác	05 – 40 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Chi phí liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một TSCĐ vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự về bản chất (kể cả trường hợp mua từ bên ngoài hoặc tạo ra từ nội bộ Tập đoàn) luôn được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và các khoản khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 07 đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo dòng đời của dự án (486 tháng) vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản của công ty con tại thời điểm cổ phần hóa và tình hình xử lý số chênh lệch này ở Tập đoàn trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí vật tư xuất dùng cho hoạt động xây lắp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Tập đoàn được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính áp dụng cho đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước sạch: 0% và 5%;
- Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí công cộng: Không chịu thuế;
- Dịch vụ lắp đặt khác: 10%;
- Cung cấp tinh khiết đóng chai: 0% và 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	337.219.796	135.068.030
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.099.028.798	41.657.607.709
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
Cộng	86.436.248.594	41.792.675.739

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng và lãi suất 4,75%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 4,5%/năm đến 6,1%/năm	321.500.000.000	312.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 4,1%/năm đến 5,4%/năm	146.000.000.000	232.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 4,5%/năm đến 5,0%/năm	55.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 5,7%/năm đến 7,2%/năm	37.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	6 tháng	5,3%/năm	28.500.000.000	23.500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 5,0%/năm đến 5,2%/năm	13.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	6 tháng	7,0%/năm	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	6 tháng	5,4%/năm	6.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân			-	5.000.000.000
Cộng			617.000.000.000	664.200.000.000

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (a)	7.800.368.003	19.977.705.882	7.800.368.003	7.800.368.003	19.672.049.566

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (b)	50.000.000.000	(*)	(20.843.452.982)	50.000.000.000	(*)	(19.036.243.451)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (c)	4.530.000.000	6.061.400.000	-	2.030.000.000	3.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (d)	2.179.842.490	4.985.174.700	-	2.179.842.490	7.251.163.200	-
Cộng	56.709.842.490		(20.843.452.982)	54.209.842.490		(19.036.243.451)

(a) Khoản đầu tư chiếm 36,00% vốn điều lệ của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là DVW. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

(b) Khoản đầu tư chiếm 7,84% vốn điều lệ của CTCP Cấp nước Gia Tân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Cấp nước Gia Tân là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

(c) Khoản đầu tư chiếm 2,00% vốn điều lệ của CTCP Dịch vụ Sonadezi, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là SDV. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Dịch vụ Sonadezi là thu gom rác thải không độc hại. Trong năm Tập đoàn thực hiện quyền mua cổ phiếu tăng thêm với số lượng cổ phiếu mua thêm là 100.000 cổ phiếu, không thay đổi tỷ lệ đầu tư.

(d) Khoản đầu tư chiếm 0,10% vốn điều lệ của CTCP Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán là SZC. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Sonadezi Châu Đức là đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản.

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sản giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ tại ngày 31/12/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	19.036.243.451	16.474.988.870
Trích lập trong năm	1.807.209.531	2.561.254.581
Số cuối năm	20.843.452.982	19.036.243.451

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	3.644.598.010	119.905.680
Phải thu từ khách hàng:		
Hợp tác xã An Hòa	5.261.110.850	5.261.071.175
Các khách hàng khác (*)	34.215.911.402	36.823.536.354
Cộng	43.121.620.262	42.204.513.209

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cổ tức phải thu từ bên liên quan – Xem thêm Mục 8	171.018.000	-	-	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	8.690.394.520	-	8.458.537.810	
Tạm ứng vật tư lắp đặt tuyến cấp nước D300 dọc đường ven sông Đồng Nai	6.403.648.990	-	4.014.591.980	
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1	4.016.570.551	(3.770.820.351)	4.016.570.551	(3.770.820.351)
Phải thu khác (*)	2.596.012.467	-	7.558.418.744	-
Cộng	21.877.644.528	(3.770.820.351)	24.048.119.085	(3.770.820.351)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải thu khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

4.5. Nợ xấu

Giá gốc các khoản nợ phải thu quá hạn hoặc nợ phải thu khác chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên	9.533.292.878	10.640.464.387
Phải thu khác liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I (*)	3.770.820.351	3.770.820.351
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp không có khả năng thu hồi	336.259.022	235.811.000
Cộng	13.640.372.251	14.647.095.738

(*) Khoản phải thu lại các nhà thầu thuộc Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I do cắt giảm giá trị khối lượng các gói thầu theo Thông báo số 458/TB-KV XIII ngày 28/12/2018 của Kiểm toán Nhà nước. Khoản này không bao gồm thuế giá trị gia tăng phải thu lại ngân sách Nhà nước, với tổng giá trị là 245.750.200 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	5.947.928.181	2.471.385.292
Trích lập trong năm	46.615.046	3.806.006.236
Hoàn nhập trong năm	(20.183.030)	(329.463.347)
Số cuối năm	5.974.360.197	5.947.928.181

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.143.430.066	(251.917.408)	42.001.505.366	(254.798.908)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.417.784.572	-	2.443.922.513	-
Công cụ, dụng cụ	291.310.782	-	319.673.039	-
Thành phẩm	117.549.121	-	66.406.443	-
Cộng	48.970.074.541	(251.917.408)	44.831.507.361	(254.798.908)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II (*)	88.706.392.139	88.706.392.139
Dự án tuyến ống cấp nước Cảng hàng không quốc tế Long Thành	21.696.232.593	21.391.951.593
Các dự án khác	43.099.077.747	58.339.067.271
Cộng	153.501.702.479	168.437.411.003

(*) Là chi phí phát sinh thực tế của giai đoạn thiết kế chi tiết và hỗ trợ đầu thầu của dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II với tổng mức đầu tư là 3.567.712.000.000 VND. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự án hiện đang tạm dừng để hoàn thiện hồ sơ pháp lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc dừng vốn vay có vốn hỗ trợ phát triển của Chính phủ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	1.011.547.479.158	1.223.623.962.750	3.208.748.943.641	52.254.335.242	8.069.376.124	5.504.244.096.915
Mua trong năm	147.371.457	4.572.138.920	2.532.637.018	1.045.458.481	261.876.360	8.559.482.236
Đầu tư XD CB hoàn thành	383.335.706	11.434.418.354	211.803.691.171	346.525.926	-	223.967.971.157
Giảm do quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	-	(4.927.197.629)	-	-	-	(4.927.197.629)
Giảm khác	-	(223.356.791)	-	-	-	(223.356.791)
Tại ngày 31/12/2025	1.012.078.186.321	1.234.479.965.604	3.423.085.271.830	53.646.319.649	8.331.252.484	5.731.620.995.888
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	625.786.269.191	979.869.585.500	1.676.781.603.013	51.832.757.783	7.495.770.724	3.341.765.986.211
Khấu hao trong năm	38.091.698.224	67.493.577.856	192.015.104.378	454.316.546	145.075.429	298.199.772.433
Giảm do quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	-	(505.353.604)	-	-	-	(505.353.604)
Giảm khác	-	(16.405.586)	-	-	-	(16.405.586)
Phân loại lại	(351.135.043)	351.135.043	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	663.526.832.372	1.047.192.539.209	1.868.796.707.391	52.287.074.329	7.640.846.153	3.639.443.999.454
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	385.761.209.967	243.754.377.250	1.531.967.340.628	421.577.459	573.605.400	2.162.478.110.704
Tại ngày 31/12/2025	348.551.353.949	187.287.426.395	1.554.288.564.439	1.359.245.320	690.406.331	2.092.176.996.434

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 826.362.678.332 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.164.874.571.887 VND.

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Quy hoạch bán đồ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2025	369.708.986.176	2.814.843.027	2.939.705.088	375.463.534.291
Mua trong năm	-	-	158.250.000	158.250.000
Tại ngày 31/12/2025	369.708.986.176	2.814.843.027	3.097.955.088	375.621.784.291
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2025	75.418.667.692	1.956.921.393	2.742.342.185	80.117.931.270
Khấu hao trong năm	7.691.470.476	57.232.920	65.571.816	7.814.275.212
Tại ngày 31/12/2025	83.110.138.168	2.014.154.313	2.807.914.001	87.932.206.482
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2025	294.290.318.484	857.921.634	197.362.903	295.345.603.021
Tại ngày 31/12/2025	286.598.848.008	800.688.714	290.041.087	287.689.577.809

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 280.229.941.092 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.004.269.088 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	85.337.464	116.143.702
Các khoản khác	223.870.820	290.341.463
Cộng	309.208.284	406.485.165
Dài hạn:		
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II	19.423.337.484	19.692.373.360
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.069.263.333	2.976.055.112
Các khoản khác	7.417.755.957	2.218.162.518
Cộng	29.910.356.774	24.886.590.990

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	1.191.530.414	1.191.530.414	16.862.450.938	16.862.450.938
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	7.877.564.231	7.877.564.231	8.465.060.116	8.465.060.116
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Tín Nghĩa	6.691.525.252	6.691.525.252	3.356.688.308	3.356.688.308
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	41.756.440.483	41.756.440.483	31.944.325.096	31.944.325.096
Cộng	57.517.060.380	57.517.060.380	60.628.524.458	60.628.524.458

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
VND		VND		VND	
Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	21.710.810.516	21.137.319.470	-	261.002.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	34.024.319.582	39.858.214.613	138.496.090	8.424.467.840
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.546.299.194	7.294.546.636	13.774.985	427.190.074
Thuế tài nguyên	-	9.208.747.191	9.219.265.313	-	762.021.824
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.154.824.591	1.490.831.950	-	1.093.966.188
Các loại thuế khác	-	18.000.000	18.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	61.349.977.767	57.475.484.602	-	4.102.336.164
Cộng	-	135.012.978.841	136.493.662.584	152.271.075	15.070.984.256

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương và thưởng còn phải trả cho người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4.14. Vay và nợ thuế tài chính

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	89.558.295.741	89.558.295.741	89.558.295.741	140.893.767.564	140.893.767.564	140.893.767.564
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	69.796.364.330	69.796.364.330	69.796.364.330	69.100.638.000	69.100.638.000	69.100.638.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai	5.066.400.000	5.066.400.000	5.066.400.000	8.547.218.907	8.547.218.907	8.547.218.907
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	3.175.572.194	3.175.572.194	3.175.572.194	3.058.679.966	3.058.679.966	3.058.679.966
Ngân hàng TMCP MTV Shinhhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	1.600.769.244	1.600.769.244	1.600.769.244	1.600.769.244	1.600.769.244	1.600.769.244
Cộng	169.197.401.509	169.197.401.509	169.197.401.509	223.201.073.681	223.201.073.681	223.201.073.681

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
	Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	237.193.340.914	19.436.670.600	97.229.828.274	314.986.498.588	314.986.498.588
	Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	224.589.824.000	224.589.824.000	90.125.819.000	206.769.569.330	206.769.569.330
	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	44.472.756.511	44.472.756.511	1.914.641.885	3.332.179.179	45.890.293.805
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai	18.818.668.505	18.818.668.505	-	5.066.400.000	23.885.068.505
Vay dài hạn:	Ngân hàng TMCP MTV Shinhhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	3.601.730.801	3.601.730.801	-	1.600.769.244	5.202.500.045
	Cộng	528.676.320.731	528.676.320.731	111.477.131.485	596.733.930.273	596.733.930.273

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai:

Hạn mức vay:	6.361.000.000 JPY và 41.000.000 USD.
Thời hạn vay:	18 đến 25 năm.
Lãi suất:	0,75%/năm – 3,53%/năm.
Mục đích vay:	Đầu tư các hạng mục của dự án "Cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I"; Đầu tư các hạng mục của dự án "Xây dựng mở rộng Hệ thống cấp nước Thiên Thiện Tân giai đoạn II".
Tài sản đảm bảo:	Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 412.525.109.879 VND – Xem thêm Mục 4.8; Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 280.125.519.312 VND – Xem thêm Mục 4.9.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai:

Hạn mức vay:	Từ 2.150.000.000 VND đến 68.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	03 đến 10 năm.
Lãi suất:	7,00%/năm.
Mục đích vay:	Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án.
Tài sản đảm bảo:	Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 348.985.686.033 VND – Xem thêm Mục 4.8.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh:

Hạn mức vay:	14.910.000.000 JPY.
Thời hạn vay:	25 năm.
Lãi suất:	1,4%/năm.
Mục đích vay:	Đầu tư các hạng mục của dự án "Cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II".
Tài sản đảm bảo:	Tài sản cố định hình thành trong tương lai.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai:

Hạn mức vay:	Từ 3.839.000.000 VND đến 16.106.000.000 VND.
Thời hạn vay:	10 năm.
Lãi suất:	7,375%/năm – 7,4%/năm.
Mục đích vay:	Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án.
Tài sản đảm bảo:	Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 58.195.860.410 VND – Xem thêm Mục 4.8; Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 104.421.780 VND – Xem thêm Mục 4.9.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP MTV Shinhhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa:
 - Hạn mức vay: 22.209.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 06 năm.
 - Lãi suất: 6,24%/năm.
 - Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Lắp đặt đường ống nước ở KCN Tân Đức, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận" và "Lắp đặt song chắn rác tại đầu ống thu nước thô D1800 ở nhà máy nước Thạnh Phú, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai".
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6.656.022.010 VND – Xem thêm Mục 4.8.

4.15. Quý khen thưởng, phúc lợi

	Quý khen thưởng VND	Quý phúc lợi VND	Quý thưởng Ban quản lý, điều hành VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	32.639.431.552	35.060.377.400	323.940.824	68.023.749.776
Trích trong năm	15.675.692.821	16.906.246.287	1.507.463.599	34.089.402.708
Chi trong năm	(5.433.361.914)	(27.563.178.002)	(1.326.889.086)	(34.323.429.002)
Tại ngày 31/12/2025	42.881.762.459	24.403.445.685	504.515.337	67.789.723.482

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2024	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	206.806.202.080	686.208.174.630	118.031.887.864	2.291.549.349.793
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	334.077.291.293	11.875.637.188	345.952.928.481
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	90.640.939.742	(121.977.788.016)	(1.277.868.690)	(32.614.716.964)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(144.000.000.000)	(7.206.264.000)	(151.206.264.000)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (**)	-	-	-	-	-	(7.888.059.864)	-	(7.888.059.864)
Tại ngày 01/01/2025	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	297.447.141.822	746.419.618.043	121.423.392.362	2.445.793.237.446
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	272.196.951.725	14.850.279.402	287.047.231.127
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	89.491.451.137	(121.362.820.640)	(2.218.033.205)	(34.089.402.708)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(192.000.000.000)	(14.484.396.000)	(206.484.396.000)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (**)	-	-	-	-	-	(7.888.059.864)	-	(7.888.059.864)
Tăng khác	-	-	-	-	-	39.721.275	-	39.721.275
Tại ngày 31/12/2025	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	386.938.592.959	697.405.410.539	119.571.242.559	2.484.418.331.276

(*) Cổ tức được chia theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 18 tháng 04 năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10 tháng 04 năm 2025.

(**) Là khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại thời điểm cổ phần hóa năm 2014. Hàng năm, Tập đoàn phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp trong trường hợp phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá hoặc bù trừ trong trường hợp phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá khi thanh toán các khoản vay có nguồn vốn viện trợ nước ngoài của Chính phủ – Xem thêm Mục 8.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	767.869.200.000	767.869.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	432.130.800.000	432.130.800.000
Cộng	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120.000.000	120.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	272.196.951.725	334.077.291.293
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(31.347.656.834)	(30.898.019.940)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	240.849.294.891	303.179.271.353
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	120.000.000	120.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.007	2.526

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 02 năm 2025.

4.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	272.196.951.725	334.077.291.293
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(31.347.656.834)	(30.898.019.940)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	240.849.294.891	303.179.271.353
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	120.000.000	120.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.007	2.526

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 02 năm 2025.

4.16.6. Cổ tức

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	609.223.980	780.963.680
Cổ tức phải trả	206.484.396.000	151.206.264.000
Cổ tức đã trả (*)	(206.462.866.625)	(151.378.003.700)
Số dư cuối năm	630.753.355	609.223.980

(*) Trong đó, cổ tức đã trả cho các bên liên quan trong năm là 125.430.246.400 VND – Xem thêm Mục 8.

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
USD	23.098,63	23.098,63

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	1.270.471.314.120	1.250.308.850.039
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	34.637.775.569	29.288.339.882
Doanh thu bán nước tinh khiết	4.132.190.000	3.399.433.000
Cộng	1.309.241.279.689	1.282.996.622.921
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	157.937.808.375	167.868.900.258

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	796.315.003.142	770.751.508.082
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	23.581.999.791	16.626.286.764
Giá vốn bán nước tinh khiết	3.448.324.115	3.160.648.965
Cộng	823.345.327.048	790.538.443.811

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức được chia từ bên liên quan – Xem thêm Mục 8	471.018.000	314.012.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	29.145.475.778	25.530.320.437
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.065.226.937	3.011.283.023
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	47.642.456.443
Cộng	30.681.720.715	76.498.071.903

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	27.177.843.154	29.458.328.179
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.346.300.134	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.432.148.102	3.823.130.172
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.807.209.531	2.561.254.581
Các khoản khác	-	80.000.000
Cộng	51.763.500.921	35.922.712.932

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	32.677.229.828	32.515.348.163
Chi phí vật liệu, bao bì	29.257.659.571	25.482.787.434
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	678.335.092	952.216.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	386.608.903	461.802.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.237.745.857	5.327.695.778
Chi phí khác bằng tiền	6.295.571.979	6.099.034.389
Cộng	75.533.151.230	70.838.885.330

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	58.741.661.112	57.163.421.667
Chi phí vật liệu quản lý	494.022.616	363.882.042
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.290.055.739	2.423.074.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.373.712.849	2.130.100.103
Thuế, phí và lệ phí	15.517.189	1.109.483.377
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	26.432.016	3.476.542.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.178.148.764	2.323.040.235
Chi phí khác bằng tiền	11.810.526.239	11.858.569.377
Cộng	77.930.076.524	80.848.113.958

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí mua hàng	80.217.397.225	69.467.709.775
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.388.348.431	75.636.560.784
Chi phí nhân công	265.522.389.681	263.507.483.296
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.492.288.455	310.309.998.795
Chi phí dự phòng	26.432.016	3.476.542.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.205.912.655	135.534.321.288
Chi phí khác bằng tiền	81.980.791.076	80.646.352.541
Cộng	976.833.559.539	938.578.969.368

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	321.071.550.709	386.065.225.685
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất BCTC	15.249.668.959	6.549.270.848
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.970.257.572	3.425.546.348
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	(18.515.922.000)	(9.796.148.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	320.775.555.240	386.243.894.881
Trong đó:		
- Thu nhập áp dụng thuế suất phổ thông 20%	19.467.640.583	16.643.335.450
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	301.307.914.657	369.600.559.431
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	34.024.319.582	40.288.723.033
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	(176.425.829)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.024.319.582	40.112.297.204

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/ thu nhập khi tính thuế TNDN.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	90.125.819.000	122.371.634.717

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(233.533.400.848)	(220.768.322.080)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch, chiếm phần lớn doanh thu và được thực hiện tại một khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Nai. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Tập đoàn không thuyết minh báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ sau cùng
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
12. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
14. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
15. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
16. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
17. Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
18. Công ty TNHH MTV BOT 768	Công ty cùng Tập đoàn
19. Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	3.478.341.930	6.264.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	104.461.980	106.513.980
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	49.370.475	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	8.821.075	5.554.500
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	1.425.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	893.550	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	993.600	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	289.800	1.573.200
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	3.644.598.010	119.905.680

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cổ tức phải thu – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	171.018.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	1.175.289.429	16.842.744.814
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	16.240.985	19.706.124
Cộng – Xem thêm Mục 4.11	1.191.530.414	16.862.450.938
Người mua trả tiền trước dài hạn:		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác về các khoản nhận đặt cọc:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	2.400.000	2.400.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	400.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	300.000	300.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	4.260.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	4.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	-	120.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	-	150.000
Cộng	3.100.000	12.030.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch với chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	74.637.941.900	79.090.295.800
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	54.242.745.173	56.651.334.190
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	24.869.641.500	27.001.505.400
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	1.894.346.000	2.769.945.427
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	586.584.000	700.143.600
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	538.247.802	461.906.700
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	318.708.000	339.545.618
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	178.514.500	116.000.500
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	165.610.100	239.706.173
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	83.345.500	72.504.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	79.343.900	85.119.350
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	76.256.500	71.001.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	73.678.500	84.560.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	71.239.500	16.140.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	64.920.000	120.750.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	37.410.000	28.940.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	11.283.000	19.502.500
Công ty TNHH MTV BOT 768	7.992.500	-
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	157.937.808.375	167.868.900.258
Cổ tức được chia:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	300.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	171.018.000	114.012.000
Cộng – Xem thêm Mục 5.3	471.018.000	314.012.000
Chi trả cổ tức:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	122.859.072.000	92.144.304.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	588.000.000	196.000.000
Ông Nguyễn Văn Thiện – Thành viên HĐQT	1.920.000.000	-
Ông Nguyễn Công Hiếu – Thành viên HĐQT	4.000.000	3.000.000
Ông Nguyễn Cao Hà – Phó Giám đốc	32.000	24.000
Bà Nguyễn Thu Oanh – Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2025)	59.142.400	44.356.800
Cộng – Xem thêm Mục 4.16.6	125.430.246.400	92.387.684.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai – Chuyển nhượng điện	172.801.619	210.613.211
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai – Thuê mặt bằng	40.000.000	36.000.000
Cộng	212.801.619	246.613.211
Chi phí vệ sinh, chăm sóc cây xanh:		
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	242.749.170	258.436.757
Chi phí xử lý nước thải:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	89.784.074	77.967.963
Chi phí thi công:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	27.059.707.548	58.227.978.862
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp – Xem thêm Mục 4.16.1:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	7.888.059.864	7.888.059.864

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty mẹ trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND			Năm 2024 VND		
		Thù lao	Lương	Cộng	Thù lao	Lương	Cộng
Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2025) Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025)	216.000.000	1.440.318.200	1.656.318.200	236.000.000	1.643.511.200	1.879.511.200
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2025)	80.000.000	1.189.725.000	1.269.725.000	-	445.940.000	445.940.000
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025) Phó Giám đốc	216.000.000	1.168.710.000	1.384.710.000	246.000.000	1.325.160.000	1.571.160.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	296.000.000	1.165.990.000	1.461.990.000	216.000.000	1.332.800.000	1.548.800.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	256.000.000	-	256.000.000	216.000.000	-	216.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	256.000.000	-	256.000.000	216.000.000	-	216.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	256.000.000	-	256.000.000	216.000.000	-	216.000.000
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên HĐQT	256.000.000	-	256.000.000	216.000.000	-	216.000.000
Ông Lê Thành Trung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025)	-	627.317.000	627.317.000	-	-	-
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/07/2024)	-	-	-	-	719.760.000	719.760.000
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2025)	-	795.828.000	795.828.000	-	1.113.387.800	1.113.387.800
Bà Nguyễn Bách Thảo	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm từ ngày 26/09/2025)	-	99.369.818	99.369.818	-	-	-
Cộng		1.832.000.000	6.487.258.018	8.319.258.018	1.562.000.000	6.580.559.000	8.142.559.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát công ty mẹ được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND			Năm 2024 VND		
		Thù lao	Lương	Cộng	Thù lao	Lương	Cộng
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng Ban	-	987.169.800	987.169.800	-	1.124.020.000	1.124.020.000
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	115.000.000	-	115.000.000	130.000.000	-	130.000.000
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên	115.000.000	-	115.000.000	125.000.000	-	125.000.000
Cộng		230.000.000	987.169.800	1.217.169.800	255.000.000	1.124.020.000	1.379.020.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2024 VND	Năm 2024 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.526	2.496
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.526	2.496

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Tập đoàn xác định lại tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước theo tỷ lệ đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 28 tháng 02 năm 2025, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 18 tháng 04 năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 10 tháng 04 năm 2025 nên đã làm thay đổi lợi nhuận để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2024. Do đó, lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 trình bày để so sánh đã được điều chỉnh lại tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.

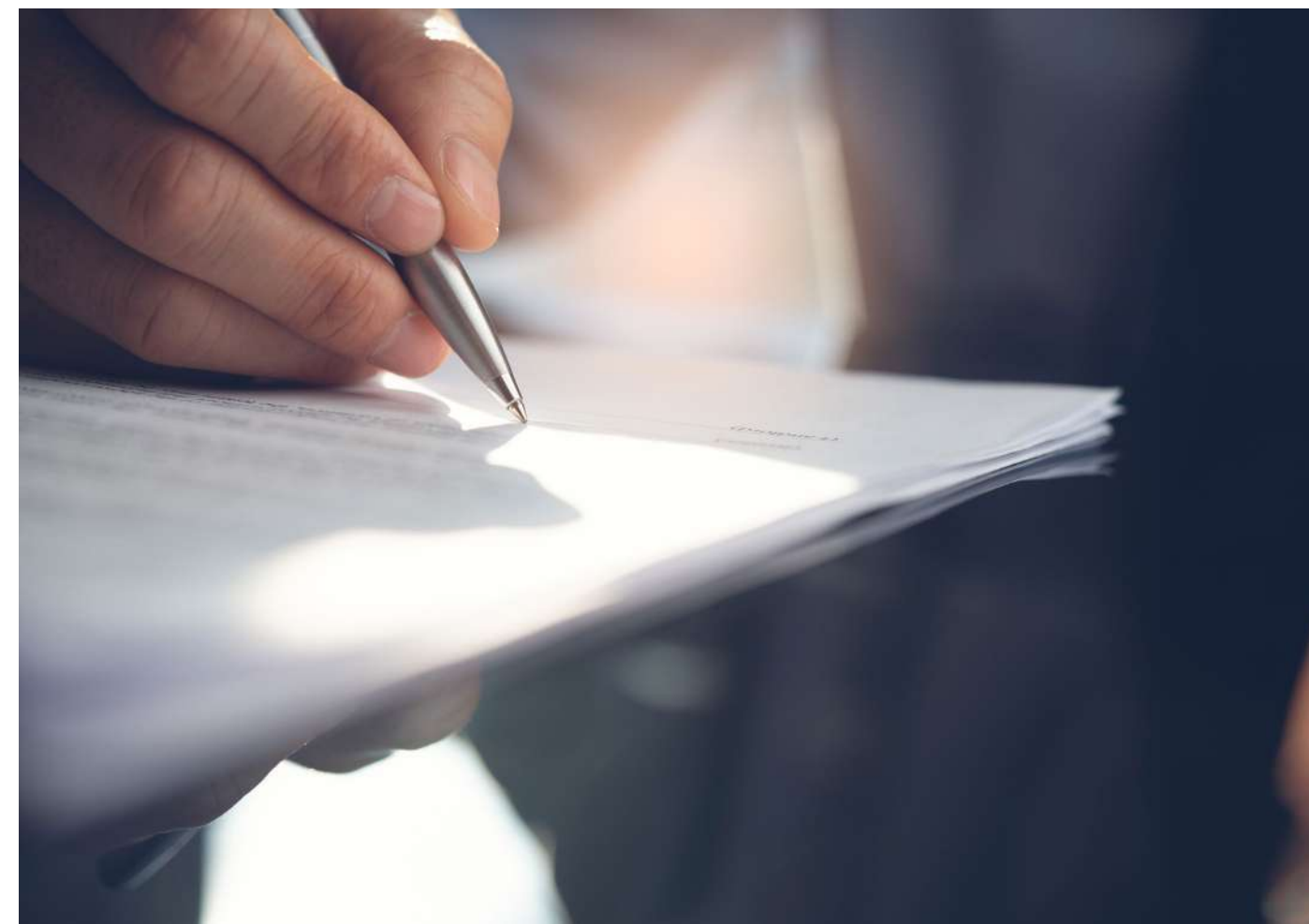


Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Bách Thảo
Phụ trách kế toán

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026



2025 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN NGUYÊN